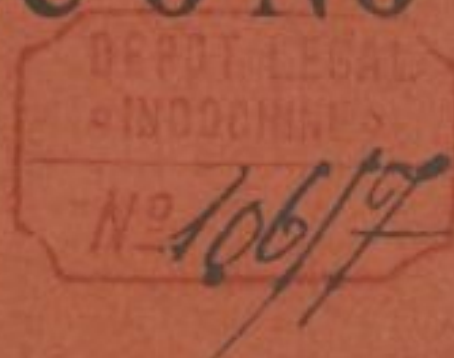


8°
INDO-CHINOIS
900

院 書 通 普 南 越

BIBLIOTHÈQUE ANNAMITE DE VULGARISATION

HỌC SAO CHO PHẢI ĐUỜ'NG



TOUS DROITS RÉSERVÉS

Giá : 0 \$ 4 0

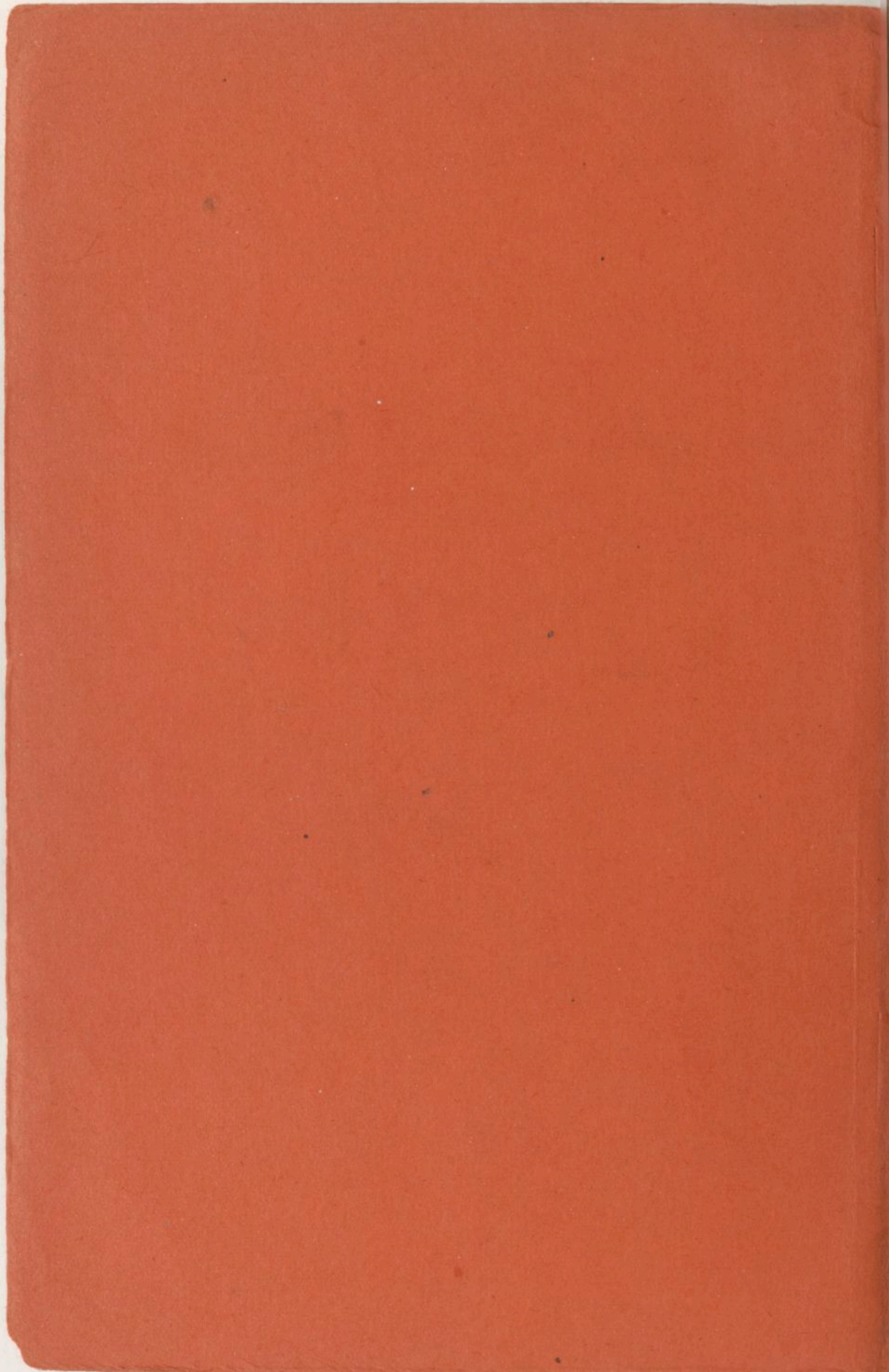


IMPRIMERIE NAM-VIÊT

Rue de Haiphong - Nam-Dinh

1929

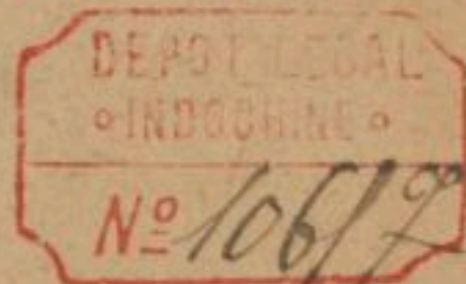
HỌC-GIỚI BẢO-TRỢ XUẤT-BẢN



院 書 通 普 南 越
BIBLIOTHÈQUE ANNAMITE DE VULGARISATION



HỌC SAO CHO PHẢI ĐUỜ'NG



TOUS DROITS RÉSERVÉS

Giá : 0\$40



IMPRIMERIE NAM-VIÊT
Rue de Haiphong - Nam-Dinh

go Indoch.

900

1929
HỌC-GIỚI BẢO-TRỢ XUẤT-BẢN

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO



THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

HỌC SAO CHO PHẢI ĐƯỜNG?

Không cần phải nói, tưởng ai ai cũng đã biết sự học cần-thiết cho con trẻ biết là nhường nào?

Cha mẹ có cái bồn phạn to nhất và hệ-trọng nhất là phải cho con đi học vì sự học tức cũng như cái chìa khóa để mở mang cuộc sinh-hoạt ở đời!

Thật vậy người có học thì chí tuệ mới mở mang, phẩm-cách mới cao quí, đường ăn lễ ở sử sự với đời mới không đến nỗi sai lạc. Trái lại người không học thì tối như đêm, rầy như đất, có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc, mờ mờ mịt mịt nghĩ có ngán không?

Vậy sự học cần là thế, ích lợi là thế cho nên các bậc làm cha mẹ có bụng thương con, ai lại chẳng muốn cho con khôn lớn nên người, mà muốn cho con nên người thì thế tất phải tìm cách dạy dỗ cho con để một mai cho trở nên người có tài, có hạnh! Ấy vì thế mà hết tìm nơi kiếm chốn cho con học, lại kén thầy lựa bạn để chuyên cần học-nghiệp cho con. Thói thường ai ai cũng thế.

Nhưng học làm sao cho phải đường lại là cái vấn-dề rất khó giải quyết cho phần nhiều các nhà có con cho đi học.

Có nhà chủ ý cho con đi học chỉ mong làm sao đỗ được cái bằng này, bằng khác để luồn-lỏi, cầu-cạnh, bon-chen cố làm sao cho được một cái ghế ngồi trong các sở. Mục-dịch thiển-cận như thế, tấm lòng cầu lợi nhõn-tiền như thế thì còn mong chi học để đúc lấy nhân-tài, học để chau giồi nhân-cách nữa!

Nếu ai ai có con cho đi học mục-dịch cũng chỉ đến có thế thôi, thì sự học đã chưa lấy gì làm quí. Cho nên nói rằng người nước ta phần nhiều cho con đi học vẫn chưa phải đường cũng không phải là nói quá vậy.

Nay ta muốn đập đổ phá tan cái ý-tưởng mơ-màng hủ-lậu tập-nhiêm đã từ mấy ngàn năm nay đi là « đi học chỉ cầu lợi nhõn-tiền » thì xin các bậc làm cha mẹ, trước khi

cho con đi học xin hãy vấn tâm xem con mình có đủ tư-cách theo nghiệp học không?

Nếu con mình quả có đủ tư-cách theo học cho trọn vẹn và nếu mình có lực tư-lương cho con đi học thì xin tận-tâm tìm thầy kén bạn mà bồi-bổ sự học cho con, ngõ-hầu làm sao cho con mình thân-thái được cái học-lực khả dĩ dung-thụ được để trở nên người hữu ích cho quốc gia, cho xã hội. Mục-dịch sự học như thế mới cao-thượng dám mong các nhà có con cho đi học nên lưu-ý đến cho!

Còn như những nhà gia tư nhờ-nhỡ thì sau khi đã cho con cái học qua-loa cái giáo-dục phổ-thông rồi, thì nên kén công nghệ cho con làm, chớ để nay dòng mai giải, dở dang dang dở mà không những hại cho mình, cho con mình mà lại lây đến cả nước nữa. Ta chớ tưởng công-nghệ mà là tầm-thường, đáng khinh dẫu? Không, « nhất nghệ tinh nhất thân vinh », ở đời làm nghề gì cũng vậy, miễn là mình làm cho tinh xảo, cho hết cái bần phận của mình là đều đáng qui cả.

Nếu những nhà có chức-trách cho con theo học mà ai ai cũng theo một cái phương-châm như thế thì nước ta lo gì mà chẳng có những người theo học thật thành nghề, mà mỗi người khi đã theo học được thật thành nghề rồi lúc ấy sẽ là một sự hạnh phúc chung cho cả quốc dân ta vậy.

Tới lúc đó thì sự học nước ta mới thật gọi là có giá-trị vậy.

THANH-THẦN

Trăm đường hay dở tại ta.

(CE QUI DÉPEND DE NOUS)

Ở đời lắm kẻ sâu xa nực cười:

Bề ngoài thon thót nói cười,

Mà trong nham hiểm giết người không dao,

Giương hai lưỡi,

Giáo hai đầu,

Súc người này,

Ấy người kia,

ném đất dẫu tay, hoặc để giả thù báo oán, hoặc để cầu lợi mua danh, dùng thiên phương bách kế : bới lông tìm vết, nói sấu vu oan, làm đến nỗi tình cốt nhục, duyên vợ chồng, nghĩa bầu bạn đang thân ái, tử tế, hóa ra bề oán nguồn thù, coi nhau như mộc mạc, hàng tổng kẻ cướp, chỉ những muốn thừa cơ dợt dịp làm hại lẫn nhau. Gớm cho những kẻ !

Đem người giầy xuống diếng khơi,

Nói rồi, rồi lại ăn nhờ như không.

Nhưng trách người một, trách ta mười, bởi ta nông nổi như coi dợt đèn, chẳng chịu suy trước nghĩ sau thấy người nói sao báo hao làm vậy, nên đường quang chẳng đi đâm quàng bụi rậm, tức dận không đâu, oán thù vô lý, tự mình làm thiệt cho mình. Bài dịch sau đây tưởng những người có tính hay nghe ầy sảng, sức hại đến nỗi phạm phải nhiều điều đáng hối, nên tự trách “muôn điều ngang ngửa vì ta” để dẫn lấy mình.

...

Q. S.

Đã biết tính rồi, mà thấy cộng ba số lại, đến số hợp cộng không thấy gì tất phải cãi là không phải. Cãi rằng ba số cộng lại mà không thành gì thì không có lẽ vậy được. Phải lắm, Nhưng ta sẽ thuyết lý xem sao : Đổ vào một cái thùng trăm lít rượu vang trắng và trăm lít rượu vang đỏ, vậy thùng ấy chứa đựng được bao nhiêu cả thảy ? Hai trăm. Phải lắm, giá thùng ấy không dò thì thật đúng, mà nếu thùng ấy dò thì trong vài ba giờ thùng ấy không còn giọt rượu nào cả. Cái thùng dò ấy không đựng được rượu cũng giống như người không biết tùy cơ đối đãi với bà con đồng thời cho êm đẹp ổn thỏa. Tỉ dụ khác nữa : Bỏ vào trong lồng một con thỏ, một con gà, một con điều hâu, đến sớm mai ta thấy gì ? Chờ ra chỉ có một con điều hâu thôi vì nó đã ăn con thỏ con gà no lặc lè đến họng. Trước thành thử có ba con mà sau không còn con nào cả, vì điều hâu ăn hết thỏ và gà rồi chết trương trong lồng ; thế là $A + B + C$ thành không đâu cả. Nghe thấy những điều tỉ dụ ấy, ai chả buồn cười, nhưng mà xét kỹ ra mấy biết là những điều rất quan hệ nên đề tri đến lắm. Bất cứ thời đại hay thế nào, bất cứ bà con

đồng thời rồi thế nào, mà nếu chính mình không có giá trị gì và nếu mình không thực hành những điều do tại mình thì những cái hay cái tốt ấy cũng cuồn-cuộn chìm đắm vào bể vô ích cả vậy. Nhà làm ruộng làm hết nghĩa vụ mình thì tuy khi thời ít thuận, tuy ruộng nương không tốt cũng đủ lúa gạo no nê cả nhà, nhưng nếu lười biếng thì dầu phong hòa vũ thuận, dầu đất cát phì nhiêu cũng không ăn thua gì cả.

Trong cuộc đời lắm điều không do tại ta mà cũng lắm điều do tại ta. Vậy muốn phản kháng lại với những điều không thuộc về ta thì tất phải quan phòng đến những điều thuộc về ta. Sinh vào thời buổi này, sức vóc ấy, và ở trong hoàn cảnh quốc gia xã hội ngày nay thì những điều ấy có thuộc về ta đâu, vì không ai có phép thần thông nào muốn sinh vào đời mình định, vào lúc mình ưa, vào nơi mình thích và không sao muốn có sức vóc khỏe mạnh, lực lượng tùy như ý mình được. Tại sao ? Tại cuộc đời chẳng khác chi một bài tính đổ. Phải giải quyết bài ấy cho tử tế. Trước hết về vấn đề thuộc về ta, thì ta phải có lòng ham muốn hay không ham muốn. Lòng ham muốn sẵn bày làm cho ta hay phải mất cơ lợ vận khác nào như con lợn lòi thả dồng vào vườn kia, chẳng bao lâu phá phách tan tành, hoa màu di dời nhà ma như cơn gió lốc cuồn cát lên mây. Còn như lòng ham muốn hay có thể bình trị những thời cơ rất ngộ ngược khác nào như cái bừa làm phẳng mặt đất ruộng gồ ghề. Tỉ dụ sau đây mình tưởng những điều đó : Người ở phía Bắc có thể trách phàn oán trời không được sinh vào phía Nam, tứ thời xuân cả, mà những phải chịu lắm nỗi khát khe : tuyết xương lạnh lẽo, xa mù tối tăm, đêm đông dài đoạn. Nhưng nhờ lòng ham muốn tốt, nên chi họ đã làm nên cửa cao nhà rộng, lửa ấm buổi chiều, đèn sáng suốt đêm để cùng thân gia hưởng cái thú gia đình sum họp. Trên lò lửa cháy canh sôi sục sục, cha con vợ chồng quây quần ăn uống vui vẻ bất giác ở ngoài gió thổi thấu sương, tuyết che kín mái, ở trong vẫn ra chiều vô cùng khoái lạc. Chẳng phải do cái lòng ham muốn tốt và chịu khó nên đã thắng được những cảnh éo le ở đời là gì đấy. Cuộc đời ta ngày nay đôi khi cũng hết như những nơi rét mướt cực khổ ấy.

Người ta thường làm nên sự nghiệp vĩ đại phi thường chính trong những lúc trái ngược ấy đó thị là nhờ có lòng ham muốn tốt, nhờ biết dung thứ lẫn nhau, cam khổ giữ đồng thì hoán cải những ngày khó khăn đi tưởng dễ như giở bàn tay vậy. Nhờ có đức hạnh hay, tâm can rồi, mà chính những lúc tối tăm khốn đốn trong lịch sử mà người ta biết thương yêu nhau, một lòng một gĩa cùng nhau sắt son một niềm mấy làm nên những việc rất hay. Đối với những cơn giông tố phũ phàng, tuyết sương lạnh lẽo, người ta đã làm cửa cao nhà rộng kín ấm hân hoan, thế là đã biết đem cái lòng can đảm, cái bụng hợp quần đối lại với những điều độc ác. Ai lại có phép thuật gì mà tùy ý mình sinh vào cuộc đời sung sướng dễ kiếm ăn được, vì cái đó có thuộc về ta đâu. Nhưng nếu cố công làm cái điều không thuộc về ta thì có thể do cuộc đời bạc bẽo mà làm nên công cuộc cực hay. Lại có điều khác rất cần và do tại ta, cái đó là ta phải biết mình xét mọi việc. Nhờ có biết mình xét, ta thấu hiểu được cái thời đại ta sống và những người đồng thời cùng ta. Bảo rằng việc mình xét không do tại ta được. Nhất định cãi và xin đáp rằng : Trời ôi ! chính tại ở ta ! Ai ơi nên biết rằng những kẻ mù đui khốn nạn đô thị là những người không biết quan xét kỹ càng. Man vạn người không biết tùy thời mà sống, không chịu xem xét chỉ khẳng khẳng chủ nghĩa chán đời lãnh đạm, nghi ngờ rút rút chỉ những thở ngắn than dài, trách duyên dận số, hết việc nọ đến việc kia không biết xem xét những phương diện hay tốt của cuộc đời mình và của những người đồng thời với mình ra làm sao cả. Lắm người vì không biết quan sát nên chỉ đứng cạnh việc hay, ở bên người rồi đáng lẽ có dịp rất may để lấy đường tiến thân, hay dúp người khác lên đường tiến bộ, mà cứ cầm đầu một mạch vào chỗ xa mù, tưởng gọi là người mù đi không gây cũng không có gì làm quá. Có mắt mà không biết trông, có tai mà không biết nghe, nên chỉ sinh lòng ngờ vực, lại thêm chịu tiếng ngu si. Giá có kẻ nào nhân diện thú tâm súc siểm người này, ấy dục người kia là thành ra thù nghịch lẫn nhau vô cớ. Giãn hoặc có dịp dúp nhau, cứ nhắm mắt làm thính không hề tí nào lý doái, thế mà có thể hại nhau là quyết cầm đầu lợi dụng không hề chút điểm thương

cùng. Những kẻ coi nhau như thù nghịch kẻ Tần người Tần không đâu, toàn là không biết quan sát vậy.

Ở trong xã hội không những là chỉ có một đảng không biết tính nhau như vậy, chính đến những người ở gần nhau hàng ngày đối diện như những người cạnh vách láng giềng, cùng nhau một nghề, giọt máu sẻ đôi anh em ruột thịt cũng sử mảy nhau tẻ bạc như vậy. Vả chẳng nếu muốn biết tính nhau thì tưởng dễ như không có khó gì, khôn thay họ có chịu quan sát gì đâu. Như thế là không làm đều thuộc về ta vậy. Xin nghe câu chuyện lạ lùng này. Nguyên ở dưới cầu rộng của đường xe lửa sau nhà ga X... ở một nơi tối mò, ngày nào cũng có một người ở xưởng thợ về. Ngày ngày chàng nhận biết có một cái bóng người ngờ là kẻ gian phi ẩn núp ở dưới chân cầu, vào chỗ đen như mực để chực bóc lột bọn khách qua đường. Nghĩ vậy từ mai cầm súng lục để thủ thân lúc kíp kéo nước đến chân mấy nhầy sợ hãi bất cập. Nhưng một hôm kẻ ngờ là gian phi ấy đánh diêm hút thuốc chính lúc chàng kia đi ngang qua sát mặt, bấy giờ mới biết là người cố tri. Người này thường vẫn đợi ở đấy anh em để cùng nhau đi học buổi tối. Việc sảy ra này làm cho người ngờ là gian phi buồn cười vỡ bụng. Thế mà chuyện này thường có hàng ngày trong xã hội đã chán cho chưa! Mọi nơi mọi đảng vẫn cứ nhận nhầm nhau như kẻ thù hằn, người nguy hiểm bụng đầy giao găm. Khéo cho bé cái nhầm của thiên hạ. Không biết nhau nghi vực lẫn nhau đến thế thì sao cho cùng nhau hòa thuận được? Khôn khéo ra thì dù đến kẻ rất độc ác cũng dung hòa và dùng được việc vì không có người nào không có khéo hay đáng khen cả. Nhưng ta chỉ phải tìm tòi bởi móc những cái hay của người để lợi dụng, khác nào như người về miền sơn cước biết dùng quãng đất khô khan bé nhỏ ở trong khe núi sỏi đá tro trụi để giồng dọt cho có hoa màu quanh năm ăn uống. Cái đó là thuộc về ta vậy.

Tác giả CHARLES WAGNER

Đăng trong học giới tạp chí tháng chạp năm 1908

Q. S. Dịch thuật

MẤY NHỜI NHẢN-NHỦ CÁC CẬU THIẾU-NIÊN HỌC-SINH

Nói về lễ-độ

Bài này viết riêng để tặng các cậu. — Các cậu ơn cha nhờ mẹ cho ăn đi học mục-dịch cốt mong các cậu rồi ra sẽ trở nên người có tư cách nét na. Phải lắm ! Cái lòng kỳ-vọng chính-dáng lắm thay. Vì người ta mà có đủ tư-cách làm người thì mấy đáng qui.

Đi học để biết chữ, để khám-phá những điều ngu rớt, để mong thấu hết mọi lẽ thiệt-hơn ở trong vòng thiên-diễn. Nhưng thế cũng chưa đủ. Học không những để phá ngu, học lại còn cốt để tu-thân sửa tính nữa. Vì « *Hữu tài mà vô hạnh* » thì cũng như không ! . . .

Con người ta bất cứ mình là hạng người nào cũng cần cư-sử cho có lễ-độ vì nhờ có nó mà ta mới có văn-hoa, nhờ có nó thì cách giao-tế ở đời mới có phần lịch-sự được. Mà có khó gì cái sự lễ-độ ấy mà chẳng học được.

Này ở nhà thờ mẹ kính cha, qui anh nhường chị, thân yêu người cửa người nhà...

Ra ngoài khăn mũ áo quần cho nghiêm chỉnh, đi đứng cho khoan-thai, lời ăn tiếng nói cho rịu ràng êm ái, chớ bạc nhời, chớ phũ miệng, đừng cậy khỏe, chớ a-dua. Nhiều lời là một thói xấu vì « *hay nói chỉ tổ hại* ». Kiêu ngạo rất không nên, vì tự-kiêu ai cũng ghét. Ghen-ghét là một ác-tật, vậy chớ phạm vào. Qui nhất là nét nhu-mi hiền-hậu vì người ta mà luyến-ái mình tôn-qui mình cũng bởi đấy mà ra.

« *Nhời nói chẳng mất tiền mua* » vậy nên « *liệu nhời mà nói cho vừa lòng nhau* ».

Phần nhiều các cậu thiếu-niên hay mắc tật xấu là thấy ai hơn mình thì đem lòng đố-ky rồi vì thế mà hóa ra ích-kỷ, độc bụng, nói xấu, nói điều cho người. Điều đó các cậu nghĩ làm to ! Ai hơn ta, ta nên lấy họ để làm gương tiến-thủ, cố theo đòi cho bằng người ; rồi phấn-khởi lên, cố cho hơn.

Ta mà quả còn kém ru ? Xin chờ dấu rớt, — học, học nữa đi, không thẹn gì sự học tập, vì có học mới mài rũa cho ta nên người dũng-cảm.

Ta mà quả có tài ru ? Được, hay lắm! sẵn nền sẵn nếp ta lại cố lên vì « *càng học càng biết mình còn kém* » và ngoài mình ra thế gian còn lắm kẻ xuất-sắc hơn mình nhiều.

Nhà ta mà phong lưu ru ? Thôi, còn nói gì; thế là « *thuận cảnh* » nghĩa là ta sinh ra gặp may mà cha mẹ ta tiền rư của sẵn, thế là trời chiều ta đó, nên sẵn cơ-hội ra công mà tranh giải rặt lèo, mà đua tài đấu trí. Chớ vì tiền tài mà nhụt trí nam-nhi, rồi hoặc đua anh đua em, theo bạn theo bè, chơi bời du-đăng, làm phí cả lòng cha mẹ tổ-tiên trông cậy và còn mang tiếng cùng xã-hội nữa. Phú-quí hay sinh kiêu-căng, trăm người không ai tránh khỏi, vậy phải biết kiềm-chế cái tính « *tự-đắc* » của mình mà chớ ăn ở sai đường lạc nẻo.

Ta mà thanh đạm ru ? Vẫn hay rằng ta có chí lớn muốn khoáng-trương kinh-doanh việc to tát song cái khó bó cái khôn cho nên lắm lúc vì nó mà ta phải bận lòng lo nghĩ, song từ xưa đến nay giàu có nghèo nàn đều bị phạt cả. Vậy ta biết thuận theo lẽ phải mà an-phận thủ thường chớ ghen ghét kẻ hơn ta mà mang tiếng « *châu buộc ghét châu ăn* » và phải giữ mình chớ nên su-phụ kẻ giàu sang mà tư-cách sinh ra hèn kém. — Nghèo quyết không phải là sự xấu cho nên nghèo mà cứ giữ được thủy-chung thì lại đáng tôn. Vả lại giàu sang như phù vân, tụ-tán vô thường, duy có tấm lòng trung-hậu là nó theo ta mãi mãi.

Bạn thiếu-niên ta hay có tính nông-nổi nhẹ-dạ vì thế mà sử sự rất hay sai nhầm hoặc nghe phỉnh-phò mà làm càn làm bậy; hoặc nghe ton-hót mà sử-chí chẳng ra sao, rút cục lại hại có lợi không, để lại một điều hối-hận.

Tuổi thiếu-niên là cái tuổi quý báu, là cái hi-vọng lớn lao của quốc-gia xã-hội.

Vậy phải chịu thương chịu khó mà học-hành sao cho nên người hữu-dụng, phải tu sửa cái tâm-tư của mình sao cho nên khá nên hay, ngõ hầu mới không phụ công cha mẹ sinh-thành dưỡng-dục và khỏi mang tiếng là người vô-ích cho đời.

Các bạn thanh-niên ta nên thận-trọng.

HỮU-KHUÔNG

Đi tảo mộ.

Hôm ấy là ngày 12 tháng riêng, vào khoảng 6 giờ chiều. Tôi cùng mấy người nhà ra viếng mộ cha tôi vì ngày ấy chính là ngày “tứ-cửu”.

Gió xuân hiu-hắt, bóng ác đã ngậm non đoài, trên con đường từ nhà ra ga xe-lửa, rồi rẽ ra con đường tắt, chạy thẳng đến nghĩa-trang, kẻ qua người lại vắng tanh, nhà cửa lơ thơ, cây cỏ diu hiu, tịnh không có cái gì gọi là quan-mỹ cả.

Phong-cảnh tiêu-sơ như thế, hoặc giả khách trần còn mãi-miệt thưởng xuân mà chưa kịp xuất hành đi ra ngoài để giao-dịch buôn bán chẳng? Hoặc giả cảnh tôi lúc bấy giờ buồn phiền mà trông cảnh cũng biến đổi ra một phương-diện khác, mà sầu chẳng?

. Cái xe cừ bon bon chạy trên con đường vắng-vẻ ước độ non một khắc đồng hồ thì tới nghĩa-trang.

Ồi! tới đây cái cảnh mới lại tiêu-diêu thâm-u hơn nữa! Ngọn gió xuân hiu hắt thổi làm lay động cành cây, đám cỏ, đàn chim riu-rít liệng lưng trời đang gọi nhau về tổ. Kia ở đằng tây kia mặt trời còn hé chút ánh sáng thừa phản-chiếu, càng trông lại càng lộ thêm vẻ buồn tênh.

Ngắm cảnh sinh tình, nghĩ triền-miên con đường đời lúc này mà vô hạn cảm!

Này đây là nghĩa-địa đây rồi. Đây là nơi giấc ngủ ngàn thu của biết bao người hoặc chán đời, hoặc giận thân tui phận, hoặc số mệnh đã cùng, đều tìm đến đây mà gửi thân cả.

*Sè sè nắm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

Đứng giữa khoảng trời đất thâm-u như lúc này dù người là sắt đá cũng không khỏi mũi lòng mà mung-lung cảm-động.

Than ôi! Cõi đời thực là bề khổ bến mê, người đời chỉ là những vai tuồng ở trong vòng thiên-diễn khi thì khóc, lúc thì cười, rút cục lại đến đôi lần 50 rồi cũng về một lối cả mà thôi. Thật là mộng-ảo hư-vô!

...Chúng tôi sai người canh gác tìm chìa khóa mở cửa vào chiêm-bái thổ-thần, rồi ra làm lễ phần mộ cha tôi, cái lúc này là lúc nó làm cho tôi lại càng bi-ai hơn nữa.

Nội-nhân và các em tôi vừa lễ vừa khóc, tiếng khóc vang lừng nơi đồng không quăng vắng, lúc này mặt trời «ngủ» hẳn, cái khí âm nó lại càng u-uất lạnh lẽo hơn, cảnh tiêu-diêu ấy mà lại điểm thêm tiếng khóc tự trong tâm-can của lũ con côi khóc cha, nghĩ mà rùng mình sởn tóc dù ai là người vô cảm đến đâu cũng không khỏi xa đôi hàng lệ.

Ôi! nếu cảnh người đời mà ai cũng gặp những lúc như lúc này thì còn biết lấy chi làm sinh-thú, thời thì thiên tứ vạn trung, vinh hoa phú quý nữa mà chi!

Tôi xin thú thực cùng các ngài lúc này phần thì thương cha đã quá khứ, phần thì cái cảnh buồn làm lay động lòng tôi khiến tôi hạt châu lã chã tuôn rơi ướt đầm hai gò má. Tôi vừa lễ vừa lâm thâm khẩn vái cha tôi rằng: «Cha ơi! sống khôn thác thiêng, lạy vong linh cha xin cha hiển-hiện mà chứng giám cho tấm lòng thành-kính của lũ con côi cha đây. Từ khi cha «tịch» đi tới nay vừa đúng 49 ngày. Ôi! cha ôi, 49 ngày ấy không một phút nào, giờ nào là các con không nghĩ đến cha. Vậy thương nhớ cha thì biết tính-định làm sao cho phải đạo. Cha mất đi rồi, còn mẹ chúng con đó tuy đã hết lòng hết sức dạy dỗ các con song nghĩ tới thuở sinh-thời cha âu-yếm và giáo-dục các con thật là chu tất hết lòng vậy. Nay cha đã là người thiên-cổ, khi đi gió, lúc về mây, dám xin cha phù-hộ độ-chi cho anh em chị em các con lúc nào cũng được chân cứng đá mềm và lúc nào cũng giữ

được lương-tâm để ăn ở cho tròn bổn phận kẻ làm con có hiếu, và làm người có đạo! Cha ơi!»

Trời tối, sương xa, khí lạnh, gió lay.... Anh em chúng tôi lẽ tạ, trở gót ra về vừa ngoảnh cổ lại ngắm nơi phần mộ cha tôi và các mộ bên cạnh mà trong bụng luống những bùi-ngùi.....

--- Mãi tới khi chỉ còn thấy những cái vết đen đen mập mờ trông không rõ, mấy thôi!

Toe-toe-toe! còi xe lửa nhà ga rít..... làm dật mình, hồi tâm nghĩ lại, mấy rõ lúc này mình còn đang ở trong đời huyền-náo.

Lên xe ra về gần bảy giờ chiều.

Viết ngày 16 tháng riêng năm Kỷ-lị

HỮU-KHUÔNG

Nam-Dinh

Nên có nghề, càng nên chọn nghề.

Người sinh ở đời, nào là không khi, nước, lửa, các hạ đẳng động vật, và thực vật, khoáng vật, đủ các vật liệu để nuôi mình, không có lẽ mình không làm một nghề để thay thợ tạo hóa. Bao nhiêu người cấy cày, đan dệt, chăn nuôi, chế tạo, cung cho mình đồ ăn, mặc, đồ dùng, cùng chỗ ở, lẽ nào mình không dũ một nghề để trả nợ nhân-quần! Tục-ngữ có câu: «**Một nghề tinh, một đời vinh**». Chưa kể Thái-Tây ai cũng có chuyên-nghiệp, mà Thái-Đông ta ngày xưa ông Thuấn đánh cá, đúc nồi, cày ruộng; ông Phò-Duyệt đắp đất, ông Lã-Vọng câu cá; ông Thù làm thợ, ông Phạm-văn-Nghi khần-diễn, ông Vũ-duy-Thanh chế máy tàu, ông Phạm-phú-Thứ buôn ngoại-quốc; khoa-hoạn như thế mà không ngại cái tiếng bác lực-diễn, bác phó, bác lái-buôn.

Dẫu thế ai cũng phải có một nghề, mà nghề không chọn thì không được. Đức Khổng-Tử là bậc thánh, lúc bé nhiều nghề tài: bắn chim bay, không bắn chim nằm, câu cá không chằng lưới; lúc làm quan nhỏ giữ tính sở, tính toán đúng, nuôi trâu

dè thì béo tốt mà dễ nhiều, làm tướng thì cấp gươm lên đàn, bắt nước Tề phải giả lại ruộng đất đã chiếm của nước Lỗ; không nghề gì là không tài, không việc gì là không biết, ấy thế mà không muốn cấp roi đi hầu để cầu giàu, không chịu cầm cương bởi ngựa dễ nổi tiếng. Đức Mạnh-Tử có nói: « Nghề làm tên, đóng quan thì chỉ lo rằng người ta không chết, nghề làm áo giáp, nghề cúng-lễ chỉ lo rằng người ta không sống; có phải là lòng hại người nọ bất nhân mà lòng hại người kia nhân đâu ».

Xã hội ta kể chợ nhà quê biết bao nhiêu người ăn dung ngồi rồi cho qua ngày đoạn tháng. Ông Trần-kế-Xương có bài thơ:

*« Giời đất sinh ra chán vạn nghề :
Làm thầy, làm thợ với làm thuê.
Gớm cho cái bác Thái-vô-tích,
Sáng cấp ô đi, tối cấp về. »*

Cứ ý bài thơ ấy thì hiện đời ông Trần bất quá có độ một « bác Thái-vô-tích » mà nhiều nữa thì chẳng qua hai ba bác mà thôi. « Bác Thái-vô-tích » ngày nay trong hai-mươi-năm-triệu có lẽ chiếm đến quá nửa: Phái cựu-học bó tay nằm để chờ giời may ra lại thi Trạng, thi Nghè tên được ghi bia đá; nhà tư-bản lên mặt, ngồi nhìn của, hoặc có quyền « hàn », quyền « bát », cõ được đeo bài ngà; bọn nam-học-sinh, nữ-học-sinh ngoài niên-hạn cấp sách đi nhà trường, mũ « phớt », giày « ban » chờ lên ngạch ông thông, ông giáo, rẽ ngôi đánh-phấn chờ gặp duyên bà đốc, bà tham... Người thật đông, mà người vô nghệ cũng thật đông, xã hội nhớn mà « một » xã hội cũng không nhỏ. Tưởng những người có tâm huyết với thời cục ai cũng phải thét to lên rằng: « *Nên có nghệ, nên có nghệ để sinh tồn với thế-giới cạnh tranh này* ».

Vậy phái cựu-học làm nghề gì?

Mở quyền « đầu-số » để xem số chẳng?

Hay đặt cái « la-bàn » để xem đất chẳng?

Những nghề đó không phải là không lợi riêng cho mình song làm cho người ngu mê về ảo-thuật. Sao bằng diễn giảng các sách luân-lý cũ, khảo-cứu các khoa cách-tri mới; thực-hành

dầu chưa đủ tài-liệu mà thuyết pháp cũng đủ treo gương cho bọn đồng-ấu, khỏi lòng-bông chơi đình chơi chùa.

Nhà tư-bản làm nghề gì ?

Làm nghề cho vay nợ chẳng ? — Tiền trong nhà tiền chứa, tiền ngoài cửa tiền đẻ! — Nghề đó không phải là không lợi cho mình, song làm cho người nghèo hao-tồn bao nhiêu mồ hôi, nước mắt. Vậy làm nghề gì ? Đồn điền, khai mỏ, làm máy, chở tàu, dầu chưa có thể làm cả được song cứ giống cây, chăn nuôi, cũng đủ làm trụ cho người lao động khỏi phải dặc dài ngồi cầu ngời quán.

Bọn học-sinh làm nghề gì ?

Khoa học hóa-học từng đã phở thông mà trường canh nông, trường kỹ nghệ, trường thương mại mỗi ngày mỗi mở thêm, không chịu để tuệ não vào, dùng nghị lực vào mà phần nhiều làm những nghề không ra nghề. Bài “*thơ nghề*” có câu :

*Có nghề cũng rắp cây về nghề,
Cứ tưởng là nghề lại hóa “nghề”.*

Kìa cái cờ biển “*tấn-sỹ*” đương đời ông Tống-dinh-Tân không phải là không có giá trị, ấy thế mà ngài cũng ví như “*muống thừ*” thở khói trên nắp lư-hương đồng ! Huống chi những nghề không ra nghề tinh thần đã không phải là “*nghề*” thì dầu cũng đuôi, cũng bốn chân, cũng hai hàm răng, hình thức cũng khó có thể là “*nghề*” được. Con đường kinh tế sau này rộng rãi làm cho người trong nước rét có áo mặc, đói có cơm ăn, nằm đình, nằm chợ, có nhà mà ở. . .

. . . . “*Thuyền thúng*” hóa làm “*cá lặn đáy bể*”, “*xe cộ*” tiến làm “*chim bay ngang giới*” gánh nặng ấy không có thể dun-dừa cho người lão-đại, người tàn-tật được.

Ba bọn trên này có quan hệ với Quốc-dân hơn ; nhưng đã gọi là Quốc-dân ai cũng nên biết nghề, nên chọn nghề dặt tay nhau lên vũ-dải để khỏi thẹn với đức Viễn-tổ Thần-Nông đã giầy thiên-hạ giống cấy lúa, thuốc chữa bệnh, chế cấy bừa, mở chợ buôn bán.

Vân Xuyên BÙI-TRÌNH-KHIÊM

MỘ AI ?

(THỜI SỰ TIỂU THUYẾT)

« Kính tặng linh-hồn ông bảo-huynh đã khuất »

Ở giữa châu Lương-Sơn, tỉnh Hòa-Bình có một cái mộ, cái mộ đắp cao, chung quanh cây cối um tùm, chim kêu riu-riú, cảnh-tượng ở chốn Thượng-du đã chẳng có gì là vui, Hòa-công lại tô-diêm thêm một cái vẻ buồn đau, khiến cho kẻ qua người lại, trông bức tranh thiên-tạo đó cũng phải đau lòng rơi lụy, cúi đầu gạt nước mắt tỏ lòng thành-kính một vỹ đã vì « Nghĩa-vụ » mà bỏ mình ở chốn thâm-sơn cùng-cốc

Mộ đó là mộ ai ? Kẻ thảo truyện xin giới-thiệu cùng các độc-giả đó là mộ ông giáo Nguyễn-văn-Th vậy. — Ông nguyên người tỉnh Nam-Định, cha mẹ ông sinh-hạ được 4 trai, 2 gái mà ông lại là con cả. Thuở bình sinh, khi ông còn đi học, ông là một người rất chăm chỉ siêng năng, thông minh tuấn tú.

Các ông giáo ai ai cũng đều có bụng yêu mà các anh em bạn-hữu hết thầy đều kính trọng và phục cái tài của ông. Ấy cũng vì thế cho nên ông học ở trường Pháp-Việt chẳng bao lâu ông đã đỗ được cái bằng Cơ-thủy tốt-nghiệp. Nhưng vì gia-tư bần-bách bắt buộc ông phải phá ngang đi làm để giúp đỡ cha mẹ già và đàn em nhỏ. Tiếc thay ! cứ kể cái tài của ông nếu nhà giàu có cho học đến nơi đến chốn, ắt thấy sự kết quả rực rỡ về sau. Nhưng than ôi ! thói thường vẫn vậy, người có lực muốn học thêm mà không sẵn tiền sẵn của, kẻ giàu có lười biếng hư thân, rồi mượn gió bẻ măng sẵn tiền của cha mẹ vịn vào sự học mà quần này áo nọ, phóng-đăng sa-hoa, rút cục chẳng được chữ nào. Thực tiếc thay cái tuổi thiếu-niên. Ông Nguyễn-văn-Th. từ khi thôi học đi làm ngày hai bữa song lại bận với quyền sách ngọn đèn và đèn cặp các em, chứ không hề đua đòi chúng bạn. Thỉnh thoảng ông chỉ hay đi lại với người bạn thân của ông khi xưa là cậu X..., còn ngoại dả chẳng chơi bời phung phí, không dài-diêm sa hoa. Thực

có chi lắm thay!... Được ít lâu, ông bèn kết duyên với một người con gái họ Lê ở về vùng tỉnh Thái. Nhạc-phụ ông Nguyễn-văn-Th. nhận thấy cậu X.... người cũng hiền-lành mà lại bỏ côi bố mẹ, thương tình bèn nuôi làm con nuôi. Thế là ông Th. với cậu X... xưa kia là tình bằng-hữu nay đổi là tình anh em, thân lại thêm thân. Chẳng bao lâu, vợ ông Th. đã sinh được một đứa con gái. Cả nhà thấy vậy, thời cũng mừng lòng. Tuy vậy, ông Th. thấy làm ở lĩnh nhà lương tháng đơn sơ, không đủ chi dùng, bèn xin phép cha mẹ ra ngoài Hảiphòng tìm việc khác. Thân phụ ông thấy vậy cũng thuận theo.

Ồi! gia-dình đang vui vẻ, vì sao ông Nguyễn-văn-Th. phải xa cửa xa nhà? Chẳng phải là vì đồng tiền bó buộc đó ru! Nghĩ mà ghê thay cho thế-lực kim-tiền... Ông Nguyễn-văn-Th. từ khi ra Hảiphong tìm việc, nhưng mặt ít ruồi nhiều, vả lại thời đại kim tiền, làm việc gì cũng phải có tiền mới chôi chầy. Than ôi! Kim tiền my hỡi? Vì my mà người anh-hùng trí-sỹ, kẻ tài giỏi đảm đang phải khoanh tay bó gối, vì my mà kẻ đốt-nát ngu-si, kẻ vô tài ít chí được nên danh nên giá, vì my mà con người hiếu-tử phải chặt-vật long-đong, nổi chìm điên-đảo, chẳng hay my có phép chi màu-nhiệm mà để làm cho nhân-tình sinh phù-bạc, cuộc thế phải đảo-diên như vậy? Ấy cũng vì thế mà ông Nguyễn-văn-Th. phải tạm ngồi dạy học tại một trường tư kia, lương bổng mỗi tháng là ba chục. Ồi! ba chục đối với một cậu thiếu-niên khác mà lại ở ngay nơi phồn-hoa đô-hội như Hảiphong thì là mấy? Thôi tha hồ mà tửu-diêm trà-dinh, tha hồ mà lên xe xuống ngựa, chơi bời cho thỏa trí, vì tay làm được ra tiền kia mà. Nhưng không, đối với ông Nguyễn-văn-Th. thì lại khác, không tháng nào là không gửi tiền về nhà đỡ đần cha mẹ già và một lũ em dại. Đàng quý thay tấm lòng hiếu-đễ của ông Nguyễn-văn-Th... Bạn thiếu-niên ta nên trông đó làm gương.

Một hôm ông Th. xem báo thấy ở trên Hòa-Bình thiếu một chân giáo-học, ông bèn làm giấy tình-nguyện xin mông bồ.

Tháng sau ông nhận được giấy nhạ học-chánh bô ông đi chức trưởng-giáo trường Kim-bôi (Lương-Sơn)... Ông Nguyễn-văn-Th. lên tòng-sự trên đó được nửa năm, chẳng may vì thủy-thò bất phục, ông phải có mấy cơn sốt rét mà từ-trần.

Ôi! Cả nhà nghe thấy tin, thật chẳng khác tiếng sét lưng trời. Hóa-công cũng cay nghiệt độc ác thay! Đã là người ai chẳng phải qua một lần chết, mà chết như ông Nguyễn-văn-Th... là chết về nghĩa-vụ đáng quý, đáng trọng, nhưng thảm nhất là khi cha mẹ ông và các em ông trông thấy đứa con giai ông ngây-ngô, ngô-ngĩnh tập gọi « cha! cha! » lại càng đau lòng, buốt ruột. Vô tình thay!...

Cõi đời là bể thảm là bến mê, người đời tức là chiếc thuyền trên làn nước, bập-bồng, chồi nổi, đến đâu cũng là chỉ những thảm cùng sầu, những phiền cùng muộn. Giời sinh ra ta bình như để ta vào cõi đoạn-trường, mà cuộc đời ta, ta chỉ phải qua những cảnh-huống đau lòng, rơi lụy. Kết cục cái cuộc đời khổ-hải ta là cái nắm đất ở bên đường. Bình-sinh ta có làm được việc gì ích cho nhà, lợi cho nước đáng ghi, đáng nhớ ấy thế là thân ta tuy mai-một nhưng tiếng ta vẫn còn mà sau này kẻ qua người lại trước mộ ta sẽ phải cúi đầu, liếc mắt vào đồng cỏ xanh mà tưởng nhớ đến ta trong lúc sinh-thời. Còn ngoại-giả sống mà chẳng làm được việc gì hữu-ích, lúc chết sẽ chỉ cùng với ba thước đất đen cùng vùi, cùng lấp. Thôi thế là song.

...

Cuộc thế diu hiu, bóng hồng vắng vẻ. mỗi khi có việc đi qua phần-mộ ông giáo Nguyễn-văn-Th. không khỏi gạt thăm giọt lệ, tỏ lòng thành-kính mà cảm-hoài người thiên-cổ...

Nhưng giời mây u-ám, mặt đất lờ-mờ, xương sa lác đặc, gió thổi hắt huu, hình như Hóa-công điểm thêm một cái vẻ thanh-cao, khác tục, bao bọc lấy nắm đất xanh mà du, du một cách bi-đát, bi-đát du-duơng khiến cho linh-hồn người quá-cổ

cũng phải đoái nhìn trần-thế mà mỉm cười, rồi sau, một luồng gió thổi, một tiếng lá deo, phong cảnh non xanh, nước biếc, bề thăm rừng sâu, linh-hồn sẽ theo chiều phảng phất mà ngao-du ở nơi tiên-cảnh bồng-lai.

(*Décembre 1928*)

VĂN-SINH

LUẬN-NGŨ DIỄN-NGHĨA

TIẾT THỨ NHÌ

Ngũ Thường

NHÂN

Đức Khổng nói: người ta với điều nhân, thiết hơn nước, lửa; ta thấy người ta giẫm vào nước, lửa mà chết, chưa thấy ai làm điều nhân mà chết bao giờ!

— Nếu chỉ hướng ở điều nhân, thì hẳn không làm việc gì ác nữa đó.

--- Ta chưa thấy người nào thích điều nhân mà ghét điều bất nhân đó. Thích điều nhân là không còn điều gì thích hơn nữa; ghét điều bất-nhân là làm nhân không dễ một tí bất-nhân nào can dự vào mình. Nếu có thể một ngày dùng sức ở điều nhân đầy chãng, thì thế nào cũng đạt được mục-dịch, ta chưa thấy người nào sức không theo kịp đó. -- Ý đáng cũng có người không đủ sức đó, nhưng ta chưa thấy đó thôi.

--- Điều nhân ở ngay trong lòng mình, chứ có xa đâu! Ta muốn điều nhân thì được ngay đó.

--- Làng nào có phong-tục nhân hậu là làng ấy tốt, chọn chỗ ở mà không ở vào làng nhân hậu, sao được là khôn!

--- Điều nhân của mình, mình phải dõm đương lấy, dầu người thầy mình cũng không nhường.

--- Người quân-tử mà lỡ phạm vào điều bất nhân thì hoặc có dây chãng, kẻ tiểu-nhân mà làm điều bất nhân thì chưa có bao giờ!



— Cái lỗi của người ta, có chia ra từng đảng loại; xem điều lỗi thiên về hậu thì là người nhân, đều lỗi thiên về bạc thì là người bất nhân.

— Ông Tề-Ngã hỏi : Người nhân thì hay cứu người, bây giờ có kẻ nói giới rằng : “Ở trong giếng có đứa ngã xuống đấy” thì người nhân cũng chịu lội ngay vào trong giếng chẳng? — Đức Khổng nói : có lẽ nào lại thế ! người quân-tử nghe người ta có nạn thì có thể đi cứu đó, chứ không có thể hãm mình vào trong giếng đó ; bởi vì điều gì có lẽ thì người mới mắc lừa, còn điều gì không có lẽ thì người quân-tử không mắc lừa đó.

Ông Tử-Cống hỏi : Giả thể có người rộng làm ơn cho dân mà cứu dúp được nhiều người, bậc ấy gọi thế nào ? đáng gọi là nhân chẳng ? Đức Khổng nói : không những là nhân, hẳn là bậc thánh chẳng ! Dẫu thánh như vua Nghiêu, vua Thuấn các ngài cũng còn lấy việc ấy làm khó lòng đó ! Nay bậc “nhân”, mình muốn thành lập mà nghĩ cho người cũng thành lập, mình muốn thông-đạt mà nghĩ cho người cũng thông-đạt, đem ngay bụng người mà ví với bụng mình, thế cũng đáng gọi là đạo “nhân” đó.

Ông Nhan-Uyên hỏi : làm điều nhân thế nào ? Đức Khổng nói : làm điều nhân thì phải bỏ lòng tư mà theo lẽ công, thì cả thiên-hạ phục là nhân đó ; làm nhân bởi tự mình chứ có bởi tự người khác đâu !

Dám xin hỏi cái mục bỏ lòng “*tư*” mà theo lẽ “*công*” thế nào?

— Không phải lẽ công thì mắt đừng trông, không phải lẽ công thì tai đừng nghe, không phải lẽ công thì miệng đừng nói, không phải lẽ công thì tay chân đừng làm.

— Thừa tư-chất con dẫu không được linh-lợi nhưng cũng xin theo đòi lời dạy của thầy.

Ông Trọng-Cung hỏi : làm nhân thế nào ?

Đức Khổng nói : phải kính cẩn lúc ra cửa như thấy người khách quý, lúc sai dân như chủ lệ tế to, phải khoan thứ, điều

gì khổ sở mà mình không muốn thì chớ đem mà xử với người. Như thế thì ở ngoài nước, người nước không oán, ở trong nhà, người nhà không oán.

— Thưa: Con dầu tư-chất không được linh-lợi, nhưng cũng xin cố sức mà theo lời thầy giầy.

Ông Tư-mã-Ngưu hỏi: Làm nhân thế nào?

Đức Khổng nói: cái đạo làm nhân thì câu nói của mình ngại-ngùng mà không dám can-dỡ.

Thưa: câu nói ngại-ngùng không dám can-dỡ mà đã gọi là nhân rồi kia a!

— Làm điều nhân khó khăn lắm, nói mà không ngại-ngùng có thể được chăng!

Ông Phan-Tri hỏi: làm nhân thế nào?

Đức Khổng nói: giữ mình phải nghiêm trang, làm việc phải kinh-cẩn, đối với người phải thực-thà, dầu đến nước Mọi-dợ cũng không nên bỏ điều ấy.

Ông Tử-Cống hỏi: làm nhân thế nào?

Đức Khổng nói: Xem như người thợ muốn việc làm cho khéo, trước hết phải sắm đồ dùng của mình cho tốt. Vậy nên mình ở xứ nào, phải nên phục tòng những quan Đại-Phu giỏi, giao kết với những người sĩ có lòng nhân.

Hoặc có người hỏi: Ông Ung có lòng nhân nhưng tiếc rằng mồm mép không được hoạt-bát!

Đức Khổng đáp: Cần dùng gì đến mồm mép hoạt-bát! Mồm mép hoạt thì chỉ dùng cái tài biện-bác mà cãi người ta, thường bị người ghét chả biết ông Ung đã được là nhân chẳng? Chứ có cần gì đến nói năng hoạt-bát!

Người Mạnh-vũ-Bá hỏi: Ông Tử-Lô đã là bậc nhân chẳng?

Đức Khổng đáp: Không biết! Người Vũ-Bá lại hỏi lần nữa.

Ngài đáp: cái tài Trọng-Do thì nước nhơn ngạch binh lương hàng nghìn cỗ xe, có thể dùng coi việc quân lữ được; còn cái đức thì tôi không biết có được là nhân hay không!

— Ông Cầu thế nào ?

— Cái tài Nhiễm-Cầu thì ấp nờn có hàng nghìn nhà, ngạch binh, lương hàng trăm cỗ xe, có thể dùng làm quan Tể mà cai trị đó; còn cái đức thì tôi không biết có được là “nhân” hay không !

— Ông Xích thì thế nào ?

— Cái tài Công-tây-Hoa nếu dùng đóng đai mãng đứng ở triều-đình, có thể ứng đối với tân khách nước ngoài mà không đến nỗi thất lễ, còn cái đức thì tôi không biết có được là nhân không !

Đức Khổng nói : Hồi kia trong lòng thường luôn-luôn hàng ba tháng không lúc nào sai trái điều nhân. Còn những người khác thì hoặc một ngày một lần nghĩ đến điều nhân, hoặc một tháng một lần nghĩ đến điều nhân mà thôi !

Ông Tử-Du nói : bạn tôi là ông Trương làm những điều quá cao, người ta khó có thể làm được đó, nhưng mà chưa được là nhân.

Ông Tăng-Tử nói : Ông Trương kia bề-vẻ biết là dường nào ! Khó có thể làm điều nhân với ông ấy đó.

Đức Khổng nói : tình tình người trí thì thích cảnh nước; người nhân thì thích cảnh núi. Bởi vì bụng người trí thì động, bụng người nhân thì tĩnh vậy nên người trí thì vui, người nhân thì thọ.

Đức Khổng nói : Người bất-nhân gặp cảnh khổ sở thì hay lament, cho nên xử cảnh khổ sở lâu thì không được; gặp cảnh sung sướng thì hay kêu cho nên xử cảnh sung sướng lâu thì không được; duy người nhân thì vui điều nhân, gặp cảnh nào cũng tự-nhiên; người trí thì ham điều nhân, nên gặp cảnh nào cũng không biến.

Ông Phan-Trì hỏi : Thế nào là nhân ?

Đức Khổng đáp : Yêu người là nhân.

Ông Tử-Chương hỏi : Thế nào là nhân ?

Đức Khổng đáp : làm được năm điều này với thiên hạ cũng có thể gọi là nhân đó.

— Thưa, xin hỏi là những điều gì ?

— Cung-kính, khoan-dung, tín-thực, cần-mẫn, ân-huệ ; Cung-kính thì dân không dám nhờn ; khoan-dung thì đặc tình dân ; tín-thực thì dân gắng sức với mình ; cần-mẫn thì làm thành công hiệu ; ân-huệ thì dễ sai khiến dân.

Ông Tử-Lộ hỏi : ngày trước vua Hoàn-Công giết Công-tử-Củ, Thiêu-Hốt chết theo, mà Quản-Trọng không chịu chết. Thế chưa được là nhân chăng ?

— Ông Hoàn-Công thống-nhất các nước Hầu, không phải dùng đến binh xa, là cái công ông Quản-Trọng đấy ! Nhân người ấy ai bằng ! nhân người ấy ai bằng !

Ông Tử-Cống hỏi : Quản-Trọng là người bất nhân lắm chăng ? Ông Hoàn-Công giết chủ hần là Công-tử-Củ đã không chết theo mà lại làm quan Tướng với ông Hoàn-Công !

Đức Khổng đáp : ông Quản-Trọng dúp ông Hoàn-Công làm chủ chư Hầu, thống nhất thiên-hạ, dân đến bây giờ hãy còn nhờ cái ơn ông ấy. Nếu không có ông Quản-Trọng thì ta đã phải theo lối mọi dợ tóc gióc bím, vạt áo cài bên tay trái rồi ! Nào có phải như kẻ thất-phu thất-phụ giữ điều tin nhỏ, tự-tận ở chốn ngôi, lạch mà không ai biết mình !

Ông Tử-Trương hỏi : Quan Lệnh-Doãn nước Sở tên là Tử-Văn, ba lần làm quan Tướng mà mừng không hiện ra mặt ; ba lần phải bãi chức mà buồn không hiện ra mặt ; khi phải bãi rồi lần nào cũng đem cái chính-trị của mình mà dận quan mới. Người ấy là bậc thế nào ?

Đức Khổng đáp : là người hết lòng với nước đó.

— Thưa : đã là bậc nhân chăng ?

— Chưa biết trong bụng có tự-nhiên chăng, là nhân thế nào được.

— Người Thôi-Tử giết vua nước Tề, ông Trần-văn-Tử có ấp Kỳ-tại, ngạch thuế ngựa hàng mười cỗ xe, bỏ mà đi sang nước khác ; lại thấy người cũng như người Trần-Thôi-Tử, tự

người này cũng như quan Đại-Phu nước Tề đó, lại bỏ mà đi sang nước khác nữa, đến nước khác nữa cũng lại vậy. Người ấy là bậc thế nào ?

— Là người thanh cao đó.

— Thừa đã được là nhân chăng ?

— Chưa biết trong bụng có tự nhiên chăng ; là nhân thế nào được.

NGHĨA

Đức Khổng nói : bậc quân-tử đối với những việc thiên-hạ đó : không việc gì là cố làm, cũng không việc gì là không chịu làm, duy cứ theo về điều nghĩa.

— Quân-tử thì am-hiểu về điều nghĩa ; tiểu-nhân thì am-hiểu về điều lợi.

— Quân-tử lấy nghĩa là gốc ; mà lại có tiết-văn để làm việc ; nhún-nhường để suy ra việc ; tin-thực để thành việc ; thế mới là bậc quân-tử ư !

Ông Tử-Lộ hỏi : bậc quân-tử có trọng điều nghĩa dường chăng ?

Đức Khổng đáp : quân-tử phải chuộng điều nghĩa chứ ! Nếu quân-tử mà không chuộng điều nghĩa thì làm loạn to ; tiểu-nhân mà không chuộng nghĩa thì làm trộm nhỏ.

LỄ

Ông Tề-Ngã hỏi : con đẻ tang cha, mẹ ba năm mới song, nếu đẻ một năm tưởng cũng đã lâu lắm rồi ! Vì người quân-tử cư-tang ba năm không tập nghi-tiết thì lễ hẳn suy, không tập âm-luật thì nhạc hẳn mất. Tưởng một năm thì lúa cũ đã hết, lúa mới đã đóng cây ; tiết hậu giống vật đã biến một lượt ; dùi cây lấy lửa thì vận giới đã khắp một vòng. Cái lòng thương xót của con, một năm cũng nên trừ phục đó.

Đức Khổng đáp : vậy thì sau khi một năm : ăn cơm bằng lúa đạo, mặc áo bằng đồ gấm ; trong lòng anh có tự-an chăng ?

— Thừa: tự-an.

Nếu trong lòng tự-an thì cứ làm. Người quân-tử để tang cha mẹ già thê: ăn đồ ngon không biết ngon; nghe tiếng vui không biết vui; ở sung-sướng không lấy làm sung-sướng; cho nên không nỡ ăn lúa đạo, mặc đồ gấm đỏ; — Bây giờ lòng anh tự an thì cứ làm!

Ông Tể-Ngã ra rồi, Ngài nói truyện với các người rằng: Dư thực là bất-nhân đó! Con sinh ra ba năm mới khỏi phải bế ở lòng cha mẹ vậy con để tang cha mẹ cũng phải ba năm. Nay lễ tang ba năm suốt từ vua đến dân, là lễ thông thường của thiên hạ đó. Dư có cái tình yêu cha mẹ trong bụng ba năm ư!

Ông Tử-Trương hỏi Kinh-Thư: « Vua Cao-Tông ở nhà lương-am (nhà để tang) ba năm, không nói đến việc nước » là nghĩa sao thế?

Đức Khổng đáp: Cứ gì một vua Cao-Tông! Người đời cổ ai là không thế; vua trước mất thì các quan giữ chức phận mình để theo lệnh quan tể-tướng trong ba năm.

Đức Khổng nói: tiếp người cung-kính quá mà không hợp lễ thì lao-lục; làm việc cẩn thận quá mà không hợp lễ thì dút-dát, dững mà không hợp lễ thì trái loạn, trực mà không hợp lễ thì cấp bách.

Ông Hữu-Tử nói: tin thực mà hợp với nghĩa thì nhờ nói ấy mới có thể giữ lấy nhờ đó; cung kính hợp với lễ mới khỏi người khinh bỉ mình đó, nhờ cậy mà được cái người đáng thân, thì mãi mãi về sau có thể giữ làm trụ đó.

Đức Khổng nói: bậc tiền bối dùng lễ nhạc văn cũng bằng chất, thì đời bây giờ lại gọi là « người què mùa ».

Những bậc hậu sinh dùng lễ-nhạc: chất ít văn nhiều thì đời lại gọi là « bậc sang trọng ». Nếu ta dùng lễ nhạc, thì xin theo bậc tiền bối.

— Đem lòng kính nhường mà lễ thì trị nước có khó gì; nếu không đem lòng kính nhường mà dùng lễ thì trị nước như việc lễ thì làm sao!

— Người bên trên thích lễ-phép thì dân dễ sai khiến đó.

Ông Hữu-Tử nói : dùng lễ cốt lấy hòa làm hơn ; đạo tiên vương lấy điều ấy làm cốt, việc nhỏ việc lớn đều bởi hòa mà làm xong. Có chỗ không xong được, bởi vì chỉ biết hòa mà cứ giữ một mực hòa, mà không biết dùng lễ tiết để ngăn lại, thì cũng không có thể dùng làm được đó.

Đức Khổng nói truyện việc nhạc với quan Thái-Sư nước «Lỗ» rằng : việc nhạc ngài phải hiểu rõ chứ : lúc mới khởi thì các dịp phải hợp với nhau ; lúc thét lên thì các tiếng đều đều mà phân minh; lúc cuối thì tiếng nào cũng phải liên tiếp với nhau để xong một khúc.

Đức Khổng từ nước Vệ giở về nước Lỗ mà sau các khúc nhạc chỉnh đốn, hát thơ Nhã thơ Tung có thứ-tự cả.

Quan Thái-sư Chi khi mới coi việc nhạc hát đến chương cuối thơ Quan Thư, vang vang âm tai vui biết là đường nào !

Đức Khổng nói : Nhạc Thiều đã hay lắm rồi lại thịnh lắm đó, nhạc Vũ cũng hay lắm nhưng chưa thịnh lắm đó !

Đức Khổng ở nước Tề nghe nhạc «thiều» ba tháng ăn không biết vị thịt là ngon. Nhân nói rằng : ta không ngờ vua Thuấn làm nhạc Thiều hay đến như thế !

— Lê ư ! Lê ư ! Chỉ nguyên đồ ngọc lụa mà thôi ư ! Nhạc ư ! Nhạc ư ! Chỉ nguyên tiếng chuông trống mà thôi ư !

— Người mà bất nhân thì làm lễ thế nào được ! Người mà bất nhân thì làm nhạc thế nào được !

Đức Khổng nói : Tế Đế từ tuần giáng-thần trở đi, người dự tế có ý mỗi một ta không muốn xem nữa.

Hoặc có người hỏi nghĩa Tế «Đế».

Đức Khổng nói : Khó có thể biết được ; nếu biết nghĩa Tế Đế thì trị thiên hạ như trông vào đây này, rồi ngài trở vào bàn tay ngài.

Không phải vị thần mình đáng tế mà tế thế là siểm-mi đó.

Thấy điều nghĩa nên làm mà không làm là không có khí mạnh đó.

Đức Khổng tế tiên tổ thì kính-cần hình như tiên tổ ở đây, tế thần thì kính cần hình như thần ở đây.

Đức Khổng nói : bạn tế nào mà ta không dự tế thì các người hành lễ không kính-cần cũng như là không tế.

Ông Lâm-Phóng hỏi : thế nào là gốc điều lễ ?

Đức Khổng đáp : nhời hỏi của ông hay biết nhường nào ! Các lễ thường nếu xa xỉ thì thà rằng sền còn hơn ! Lễ tang nếu trang sức thì thà thương còn hơn !

Ông Tử-Cống muốn bỏ cái lễ dùng con dê để chầu sóc hàng tháng.

Đức Khổng nói : Tử kia ! anh thì tiếc cái con dê phí không, tôi thì tiếc cái lễ cốc, sóc là lễ trọng !

Đức Khổng nói : lễ nhà Hạ ta có thể nói được cả, nhưng dòng dõi nhà Hạ là nước Kỷ không đủ làm chứng ; lễ nhà Ân ta có thể nói được cả nhưng dòng dõi nhà Ân là nước Tống không đủ làm chứng, vì rằng sổ sách không chép, người hiền triết không đủ truyền ! Nếu đủ thì ta xét việc cũ và nhời nói người giỏi cũng có thể làm chứng cho nhời ta nói đó.

— Lễ nhà Chu nhân lễ nhà Hạ nhà Ân mà đặt ra lễ nghi rục rỡ biết là dường nào ! Ta theo lễ nhà Chu.

Vua Linh-Công nước Vệ hỏi đức Khổng việc chiến trận. Ngài thưa : việc trở dậu tế nhà tôn-miếu thì tôi thường được nghe rồi ; đến như việc quân lính thì tôi chưa được học đó. Ngài nhân thế rồi ngày mai đi sang nước khác.

Đức Khổng nói : mũ miện làm bằng gai là lễ đời cổ đó ; bây giờ làm bằng tơ, ít công hơn, ta theo lối bây giờ. -- Vào chầu vua lạy ở dưới thềm là lễ đời cổ đó ; bây giờ lạy ở trên thềm là khinh mặt đó ; dầu trái với tục bây giờ song ta cũng cứ lạy ở dưới thềm.

Đức Khổng yếu mệt. — Ông Tử-Lộ muốn cắt những người học trò làm chức gia-thần để đưa đám. Sau bệnh ngài thư rồi, ngài nói : lâu lắm rồi, đó làm điều dối dả quá ! Ta đã không làm quan nữa thì không có gia-thần, thế mà đặt ra gia-thần ;

ta đối ai, chớ đối giới ư ! Giữ kỳ chết ở tay người gia-thần ; chớ thà chết ở tay hai, ba anh ư ! Vả chẳng ta đâu không được làm lễ đại-táng có đến nỗi chết ở đường xá đâu !

Đức Khổng giao tiếp với người làng thì dung mạo thùy-mị đó, muốn nói câu gì hình như là không nói, là vì có những người phụ huynh tôn-tộc.

Ngài đi uống rượu việc chung với người làng hề ông cụ sáu mươi tuổi trở lên ra về thì ngài mới về.

Người làng lễ trừ quan Ôn thì ngài mặc đồ đại trào đứng ở thềm bên đông.

Lúc ngài hội Tế ở nhà Tôn-miếu hay ở Triều-dình thì câu nói phân-minh mà cẩn thận.

Ngài ở trong Triều nói truyện với quan Hạ-dại-phu thì nghiêm trang đó ! Nói truyện với quan Thượng-dại-phu thì ôn-hòa đó ! Lúc vua đương coi triều thì chân tay ngài đi dón-dén mà ngài chỉnh-đốn lắm !

Lúc mới vào tới cửa Ngọ-môn thì ngài cúi mình xuống hình như đi không lọt cửa.

Đứng không đứng dựa cửa, đi qua không bước lên bậc cửa.

Đi qua chỗ vua ngự, sắc mặt kính-cần đó, chân đi lấp nhấp, nói hình như không ra hơi ; vén gấu áo bước lên thềm, cúi mình xuống đó, nin hơi hình như không giám thở. Lúc châu song giở ra bước bâng-khuâng đó ; xuống hết bậc thềm, nở nét mặt bâng-khuâng đó ; xuống hết bậc thềm bước đảo chỉnh-đốn, dõ về ban mình đứng châu dón-dén.

Vua cất ngài ra tiếp khách : thì nét mặt ngài kính-can, bước chân ngài dón-dén đó. Vài người đứng với mình, vài người bên tả thì quay sang bên tả, vài người bên hữu thì quay sang bên hữu, áo đẳng trước đẳng sau đều đặn lắm, bước lên thảnh thơi lắm đó. Người khách ra rồi thì ngài tiễn chân đứng dừng lại một lúc, vào tâu với vua rằng : Người khách không ngảnh lại nữa rồi.

Ngài phụng mệnh vua đi sứ các nước : dáng ngọc khuê, cúi mình hình như không mang nổi ; giơ cao lên hình như cách điệu đứng vái người, hạ thấp xuống hình như tay giao cho người, kính sợ hình như lúc đánh giặc ; chân đi dón-dén hình như leo cầu. Dự tiệc có sắc hòa vui.

Đến lúc vào chầu riêng vua nước khác thì hòa vui đó.

Vua sai người ban cho đồ ăn chín, hẳn là ngồi ngay ăn, nếm trước rồi sau mới đãi người khác, vua ban cho đồ thịt sống, hẳn nấu chín rồi cúng nhà thờ, vua ban cho các súc vật thì để nuôi.

Lúc dự tiệc với vua : Vua khấn tiên-sư thì ngài vị vua mà nếm các đồ ăn.

Lúc ngài yếu : Vua ra hỏi thăm, thì ngài nằm quay đầu về đằng đông đắp đồ đại trào lên trên mình mà thắt cái đai. Có chỉ vua triệu thì ngài không đợi đóng xe ngựa mà đi ngay.

Đức Khổng vào hành lễ nhà Thái-miếu việc gì, đồ gì cũng hỏi. Hoặc có người chê rằng : « Còn ai bảo quan Đại-Phu ấp Châu biết lễ nữa ư ! » Câu ấy đến tai ngài. Ngài nói : Kinh cần như thế là lễ đó.

Người Vương-lôn-Giả hỏi : Tục-ngữ có câu : « giữ kỳ cầu-phúc ở thần góc nhà, thả rằng cầu phúc ở vua bếp còn hơn », là ý làm sao thế ?

Đức Khổng đáp : Nếu đã phải tội với giới thì không kêu ! cầu thần chỗ nào được nữa.

Đức Khổng yếu nặng, ông Tử-lộ xin làm lễ cầu thần. — Ngài hỏi : Đời xưa có việc ấy chẳng ?

— Thừa có, này lời khấn rằng : « Cầu vong linh ngài với thần giới thần đất ».

— Ta ngày thường cầu với thần đã lâu rồi. Khi sét to, gió to, ngài hẳn đổi nét mặt.

Ngài thấy người mặc áo sô vén gấu, người đội mũ miện mặc áo xiêm, người lò, dẫu người ấy ít tuổi hơn mình ngài cũng

đứng dậy; ngài đi qua những người ấy ngài bước dảo chân, khi ngài đang ngồi trên xe mà gặp người mặc đồ quan binh, hay là người mang sồ dinh thì ngài cúi đầu xuống đệm xe mà chào.

Quan Thái-Sur Miện đến chơi với ngài mới đi đến thềm, ngài nói: đây là thềm; bước đến chiếu ngài nói: đây là chiếu; ngồi vào chiếu, ngài nói: ngồi chỗ này là ông này, ngồi chỗ kia là ông kia. Khi quan Thái-Sur ra rồi ông Tử-Trương hỏi: Thầy nói truyện với quan Thái-Sur thế có hợp lễ thường không?

-- Phải, chính là cái lễ tiếp quan Thái-Sur đó.

Ông Nhan-Uyên mất; ngài than rằng: Ôi! giờ làm mất đạo ta! giờ làm mất đạo ta! Ngài thương ông ấy quá rồi khóc ngất đi. Người hầu thưa: Ngài thương ông Hồi quá thế ư?

-- Có thương quá thế kia à! Chẳng thương người ấy thì thương ai!

Ông Nhan-Lộ muốn xin cái xe của đức Khổng bán đi để mua cái quách cho ông Nhan-Uyên. -- Ngài nói: học trò cũng như con, giỏi hay không giỏi cũng là con cả; trước kia Lý mất, chỉ có quan mà không có quách. Ta chẳng nhẽ đi bộ đem bán cái xe này để mua quách Nhan-Hồi, vì ta có lạm dụng vào hàng quan Đại-Phu, không nên đi bộ đó.

Những người học trò ông Nhan-Uyên muốn làm lễ táng to lắm. Đức Khổng nói: Không nên. -- Những người học trò ông Nhan-Uyên cứ làm lễ táng to. -- Đức Khổng nói: Hồi coi ta như cha, ta không được coi Hồi như là con, không phải tại ta đâu, tại những người môn-sinh Hồi đấy!

Đức Khổng ăn cơm ở bên nhà có tang không no bao giờ. Hôm nào ngài có đi viếng đám ai thì ở nhà không gảy đàn, hát.

Những người bạn đem đãi ngựa hay là xe, là đồ dùng, chứ không phải là phần thịt tế, thì ngài không lấy tạ lại bao giờ.

TRÍ

Ông Phan-Trì hỏi : thế nào là trí ?

Đức Khổng đáp : biết người là trí.

Ông Phan-Trì chưa hiểu.

Đức Khổng nói : cất những người giỏi, bỏ những người xằng, thì có thể người xằng tiến lên giỏi.

Ông Phan-Trì về, gặp ông Tử-Hạ chào mà hỏi : vừa rồi tôi đến hầu thầy mà hỏi trí, thầy bảo : « Cất người giỏi, bỏ người xằng, thì người xằng cũng có thể tiến lên giỏi », thế là ý làm sao ?

Ông Tử-Hạ đáp : Ý câu ấy rộng rãi biết là dường nào !

Trước kia vua Thuấn trị thiên-hạ, chọn ở mọi người mà cử ông Cao-Dao lên, mà người bất nhân lánh xa đi cả.

Vua Thang trị thiên-hạ, chọn ở mọi người mà cử ông Y-Doãn lên, mà người bất nhân lánh xa đi cả.

TÍN

Người mà không có điều tin, thì nói dối, làm càn không biết còn việc gì với người được, ví như : xe nhớn không có cái tay ngang để bắc lên cổ bò, xe ngựa không có cái tay ngang để bắc lên cổ ngựa, cái xe ấy dùng cái gì mà cho xe đi được ư !

— Bậc quân-tử cứ cái nghĩa chính mà không cứ cái điều tin nhỏ.

Ông Tử-Cống hỏi việc chính.

Đức Khổng nói : lương ăn đủ, quân dùng đủ và làm cho dân tin mình.

— Thừa : bất-dắc-dĩ mà phải bỏ một điều, thì ba điều ấy bỏ điều gì trước ?

— Bỏ việc binh trước.

— Thừa : bất-dắc-dĩ mà hai việc ấy lại bỏ một việc thì bỏ việc gì ?

— Bỏ việc lương. Tự xưa đến giờ, ai cũng phải chết, những người mà không có điều tin thì không đứng được với đời.

Ông Tử-Hạ nói : Người quân-tử : Dân tin bụng mình, rồi sau mới sai làm việc khó nhọc, nếu chưa tin thì dân cho là làm hại dân đó ; vua tin bụng mình rồi sau mới can ngăn, nếu vua chưa tin thì vua cho là gièm vua đó.

(Còn nữa)

Tổng-kết Ngũ-thường

Sao gọi là ngũ-thường? là năm điều sẵn có ở trong óc người ; mà người nào cũng sẵn có.

Nhân là lòng trắc-ẩn, biết thương người ;

Nghĩa là lòng tu-ố, biết xấu-hổ ;

Lễ là lòng từ-nhượng, biết nhún-nhường ;

Trí là lòng thị-phi, biết phân biệt phải, trái ;

Tín là bền giữ bốn điều kia mà không sai.

Vậy *nhân*, *nghĩa*, *lễ*, *trí* như bốn mùa mà *tín* là giới để vận hành ; *nhân*, *nghĩa*, *lễ*, *trí*, là bốn phương mà *tín* là đất để định hạn. Người mà không có ngũ-thường thì không phải là người.

Nhưng *nhân* mà không hợp *nhân*, thành ra nhu-khiếp ; *nghĩa* mà không kợp *nghĩa*, thành ra chương-ngạnh ; *lễ* mà không hợp *lễ*, thành ra phiên-toái ; *trí* mà không hợp *trí*, thành ra quyền-mưu. Nếu cứ đem lòng *tín* mà khư khư giữ lấy những điều đã làm lỗi mà không sửa đổi thì cũng không khỏi là hạ-lưu nhân-cách.

Lại có người giả làm *nhân*, *nghĩa*, *lễ*, *trí* để lừa dối đời mà lợi riêng cho mình ; mê-tin mãi mà tưởng là thiên-tính vẫn như thế, đến nỗi làm hại xã hội rất nhiều.

Thánh hiền nói *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*, phạm vi rất bao la, mà yếu chỉ rất sắc-dáng, có thể ai cũng giữ năm điều ấy mà sửa mình, dùng đời để cho thế giới khỏi phải cái vạ tàn hại nhau, tranh cạnh nhau, khinh bỉ nhau, lừa đảo nhau; cùng cố-rết một lòng để hưởng “*Nhân-sinh hạnh-phúc*”.

Nước Nam ta, ông Trần-quốc-Tuấn thấy quốc-dân đồ-thán, mà hai phen liều mình đánh giặc Nguyên, *nhân* là dường nào ! Ông Trần-bình-Trọng đánh chết làm quỷ nước Nam, không thềm sống làm vương đất Bắc; *nghĩa* là dường nào !! *Lễ* thì ông Lê-Quỳnh không chịu theo mệnh vua Mãn-Thanh bắt cắt tóc, xin đem tục nước Nam vào yết vua nước Nam. *Trí* như ông Phạm-ngũ-Lão chịu sang nước Ai-Lao chăn voi, phất cờ đỏ làm hiệu cho voi phục cả xuống, sau Ai-Lao sang quấy-nhiều nước ta, ông lại dùng cách ấy làm cho mình được toàn thắng. Các ngài thực là có tín-lực mới làm trọn vẹn được các điều kia. Đọc lịch-sử nước nhà, biết ngũ-thường trong luận-ngũ đã nói kia, có quan-hệ đến nước, đến thiên hạ.

VÂN-XUYỀN

PHÁP-VĂN TRÍCH-DỊCH

Rapidité de la vie

La vie humaine est semblable à un chemin dont l'issue est un précipice affreux. On nous en avertit dès le premier pas ; mais la loi est prononcée, il faut avancer toujours. Je voudrais retourner sur mes pas : marche, marche ! Un poids invincible, une force irrésistible nous entraînent ; il faut sans cesse avancer vers le précipice.

Mille traverses, mille peines nous fatignent et nous inquiètent dans la route. Encore si je pouvais éviter ce précipice affreux ! Non, non, il faut marcher ; il faut courir : telle est la rapidité des années.

On se console pourtant, parce que de temps en temps, on rencontre des objets qui nous divertissent, des eaux courantes, des fleuves qui passent. On voudrait s'arrêter : marche, marche ! Et cependant on voit tomber derrière soi tout ce qu'on avait passé : fracas effroyables ! inévitables ruines ! On se console parce qu'on emporte quelques fleurs cueillies en passant, qu'on voit faner entre ses mains du matin au soir ; quelques fruits qu'on perd en les goûtant. Enchantement ! toujours entraîné, tu approches du gouffre affreux.

Déjà tout commence à s'effacer : les jardins sont moins fleuris, les fleurs moins brillantes, les couleurs moins vives, les prairies moins riantes, les eaux moins claires : tout se ternit, tout s'efface ; l'ombre de la mort se présente ; on commence à sentir l'approche du gouffre fatal. Mais, il faut aller sur le bord, encore un pas, . . .

Déjà l'horreur trouble les sens, la tête tourne, les yeux s'égarer ; il faut marcher. On voudrait retourner en arrière plus de moyen ; tout est tombé, tout est évanoui, tout est échappé.

Je n'ai pas besoin de vous dire que ce chemin c'est la vie et que ce gouffre c'est la mort.

BOSSUET

Đời người thâm thoát

Đời người cũng như là một con đường đi đến một cái vực sâu ghê gớm. Đã có người bảo ta lúc mới bắt đầu đi ; nhưng công-lệ tự nhiên thành ra ta cứ phải đi mãi. Ta có muốn quay gót trở lại chẳng nữa, song hình như có tiếng thúc ta : đi đi, đi đi ! Một cái mãnh-lực vô-dịch, một cái sức khỏe vô-cản cứ kéo ta đi thành ra ta phải tiến mãi, tiến mãi đến chỗ vực sâu.

Bao nhiêu sự trở ngại, sự khó khăn làm ta mệt nhọc, lo sợ trong khi đi đường. Thế thì lần này ta có thể tránh qua cái vực sâu đó chẳng ! Không, không, phải đi lên, phải cố lên : ấy đó ngày tháng trôi đưa là thế.

Song ta cũng tự ta an ủi được vì thỉnh thoảng ta gặp nhiều cảnh làm cho ta vui thú đỡ buồn, như dòng nước chảy, con sông qua. Ta đến những chỗ ấy, có muốn dừng lại cũng chẳng được nào, lại có tiếng thúc : đi đi, đi đi ! Lúc ấy ta thử quay lại sau lưng ta thì những cảnh vật ta vừa qua đều mất cả : tiếng đồ gậy góm ghê, tai hại không sao tránh được ! Nhưng ta cũng an-ủi được là vì khi đi dọc đường ta hái được vài đóa hoa cầm tay, song từ sáng đến chiều đã héo, một vài quả ta ném nay đã hết dần. Ta mê mẩn, rồi cứ bị kéo mãi, kéo mãi gần đến hang sâu vực thẳm kia rồi.

Này, cảnh vật hầu hết đã bị tiêu-tán : vườn ít hoa, hoa kém vẻ, màu kém tươi, nội cỏ kém xanh tốt, nước kém trong, hết thấy đều nhạt và tiêu tán hết, bóng thần chết đã hiện, ta nghe chừng đã gần đến vực sâu. Nhưng cũng phải đi cho đến bờ, chỉ còn một bước nữa mà thôi....

Bây giờ sự ghê sợ lắm cho ngũ quan ta bối rối, đầu choáng, mắt mờ ; cũng phải bước lên. Ta có muốn quay lại cũng vô kể khả thi, mọi vật đều tiêu tán, đồ nát cả.

Ta chẳng phải nói, chắc ai cũng biết con đường đó là đời người mà cái vực sâu kia là cõi chết vậy.

THANH-THẦN.

Bonnes résolutions

Si je me lève tard et que je traîne tout le jour, je commencerai à peine mon ouvrage à la nuit mais je coucherai tôt je me lèverai tôt et j'obtiendrai par ce moyen santé, richesse et sagesse. Je m'efforcerai d'être laborieux afin que je n'aie jamais à craindre la disette. Il n'est pas nécessaire que je trouve un trésor, ni qu'il m'arrive un riche héritage. Mon activité me souffrira. Je travaillerai dès aujourd'hui car je ne sais pas si je n'en serai pas empêché demain. Je rougirai de ne rien faire alors que j'ai tant à faire pour moi-même, pour ma famille, pour mon pays.

J'emploierai bien mon temps parce que je veux gagner du loisir et comme je ne suis pas sûr d'une minute, je ne perdrai pas une heure.

Rareté des vrais amis

Ayez peu d'amis ; les vrais amis sont si rares.

Un jeune homme, à qui son père demandait d'où il venait, répondit :

« Je viens de voir un de mes amis. -- Tu en as donc plusieurs ? dit le père. Ah ! tu es infiniment plus heureux que moi ; depuis soixante-dix années que je suis au monde, à peine ai-je pu en trouver un ! »

L'amitié est un bien précieux, un ami sûr est un véritable trésor. On le cherche toute la vie et souvent on ne le rencontre pas.

Toutes les grandeurs de ce monde ne valent pas un véritable ami.

Những điều tính-định đích đáng

Nếu tôi giậy trưa và tôi lang-thang suốt ngày thì công việc của tôi dù đến đêm cũng khó lòng làm cho xong được, nhưng mà nếu tôi chịu đi ngủ sớm và trở giậy sớm cứ theo như cách này tôi sẽ được mạnh khỏe, giàu có và khôn ngoan. Tôi phải chịu khó chăm làm việc thì chẳng còn quản ngại gì sự đói rét nữa. Tôi không phải cần tìm kho của tận đâu đâu! Tôi cũng chẳng cần phải có gia-tài gì, một sự chăm làm của tôi là đủ. Tôi bắt đầu làm việc ngay từ hôm nay vì rằng tôi không chắc mai tôi có khỏe nữa không. Nếu tôi không làm gì thì tôi sẽ xấu hổ vì tôi còn phải làm việc biết bao nhiêu cho chính thân tôi, nhà tôi và nước tôi nữa.

Tôi phải biết dùng thì giờ của tôi những lúc dỗi-dãi và không bỏ phí vì rằng tôi không chắc làm nấy ra được một phút, thì tôi sao có nỡ để mất một giờ.

Văn-Sinh dịch

Người tri-kỷ trong đời hiếm có

Ta nên có ít bạn thôi; vì người tri-kỷ hiếm có lắm.

Một bác thiếu-niên kia, một hôm đi chơi về cha hỏi đi đâu thì bác ta liền thưa rằng: «Thưa cha con đến thăm một người tri-kỷ. Người cha liền bảo: Con lắm bạn tri-kỷ thế kia à? Kể như con cũng sướng hơn cha thực; cha năm nay đã 70 tuổi, mà ở đời cha chưa từng gặp ai là người tri-kỷ ».

Nghĩa bạn bè là một nghĩa quý. Một người bạn thủ túc thực là một cái của báu, suốt đời người ta chỉ tìm bạn mà không bao giờ tương-ngộ.

Tất cả những sự giàu sang, xung xướng ở trong vũ-trụ này đem đánh đổi cũng khó được người bạn chân-tay.

VĂN-SINH dịch

Monsieur Soleil

— Ah ! dites-moi, Monsieur Soleil,
Le soir, alors que j'ai sommeil,
Où cachez-vous votre lumière ?
Dormez-vous au bout de la terre ?
— Moi, dormir ! en ai-je le temps ?
Depuis des mille et des mille ans,
Ainsi qu'une lampe fidèle,
Aux cieux je veille et j'étincelle.

— Ah ! dites-moi, Monsieur Soleil,
Le soir, alors que j'ai sommeil,
Que regarde votre lumière ?
Éclairez-vous une autre terre ?
— Oui ! Quand pour toi descend la nuit,
Ailleurs je commence sans bruit,
Un nouveau jour, et je réveille,
Ailleurs l'enfant, la fleur, l'abeille !

— Ah ! dites-moi, Monsieur Soleil,
Le soir, alors que j'ai sommeil,
J'ai bien peur votre lumière,
Reste une fois sur l'autre terre ?
— Non ! je la quitte et c'est son tour,
D'avoir la nuit et toi le jour.
Ainsi toujours, lampe fidèle,
Pour quelque monde j'étincelle.

Trich ở Học-bảo.

Bài dịch

-- Mặt trời ông nói tôi hay :
Ban đêm tôi ngủ ông đầy ắp đâu ?
Hay ông ắp lấp địa-cầu ?
Cho nên chẳng thấy một hầu sáng soi ?
-- Lặng nghe vừng nhật giả nhời :
Thì giờ đâu lại ngủ hoài thế ru ?
Ngọn đèn soi mấy nghìn thu,
Bầu trời vàng vạc, đốt như lửa hồng.
-- Xin ông cho biết ý ông :
Ban đêm tôi ngủ ông trông nẻo nào ?
Hay là ông đứng trên cao,
Để soi thế-giới nơi nào nữa chẳng ?
-- Phải ! anh cũng biết cho rằng :
Ban đêm êm thấm lại sang ban ngày,
Mình tôi đánh thức đó đây,
Trẻ con tỉnh dậy, ong bay, hoa cười.
-- Xin ông cho biết mấy nhời :
Ban đêm tôi ngủ ông soi nẻo nào ?
Sợ rằng vầng tia hồng hào,
Có khi mắng chiếu địa-cầu khác chẳng ?
-- Không, không tôi đã nói rằng :
Tôi qua chốn ấy lại sang chốn này.
Đêm đêm rồi lại ngày ngày,
Ngọn đèn soi khắp cõi này cõi kia.

NGỌC-HỒ.

Tiểu-sử bà huyện Thanh-Quan

Kỳ trước ông Th. Th. đã lược-thuật cái tiểu-sử nàng Hồ-xuân-Hương, vậy kỳ này xin nói tiếp đến chuyện bà huyện Thanh-Quan vì bà cũng là một nhà thi-gia cự-phách.

Nói đến bà huyện Thanh-Quan thì ai là nhà văn-sĩ, ai là nhà hay ngâm thơ, ai là nhà thích văn nôm mà lại không biết tiếng !

Kể thuật chuyện bà đây, chính cũng vì cái ảnh-hưởng văn của bà, cái giọng văn đa-cảm đa-sầu của bà, cái tuyệt-thú ở chỗ văn-chương của bà đã lưu lại, mà khiến lấy làm hâm-mộ cảm-phục vô cùng, cho nên vui lòng giới-thiệu cùng các ngài cái tiểu-sử và chút “*Duyên văn*” của bà tưởng cũng là một cách nhớ ơn tiên-cổ vậy.

Bà người làng Nghi-Tâm nay thuộc về huyện Hoàn-Long gần thành-phố Hanoi. Bà lấy chồng người huyện Thanh-Trì, làng Nguyệt-Áng, tên là Lưu-Hân đồ cử-nhân ân-khoa năm thứ hai đời vua Minh-Mạnh, làm quan đến Tri-huyện.

Bà là bậc có đặc tài, văn thơ hay lắm mà văn quốc-âm lại càng hay ! Vua nghe tiếng bà liền vời vào Kinh cho sung chức nữ-giáo-tập để dạy các bậc Cung-nhân và Công-chúa.

Cứ kể tài nàng Hồ-xuân-Hương đem so sánh với tài bà thì cũng không chênh-lệch là mấy. Văn thơ nàng Xuân-Hương thì dún-dợn, chua-chát, uồn-ọ, lẳng-lơ đa-tình....., tục mà thanh, thanh mà tục, lối văn lẳng mạng, phóng-khoáng.

Còn văn của bà Huyện thời rất đứng-dẫn nghiêm-trang, âm luật hơi giống Đường-thi mà bài nào của bà cũng chứa-chan bao nhiêu là cái giọng đa-cảm đa-sầu, kể sau này cũng không mấy nhà thi-sĩ nào bằng, chỉ phải trong một bài thơ của bà phần nhiều còn dùng chữ Hán, nên chưa gọi được là “Toàn-bích”.

Xin lục mấy bài sau đây để hiển độc-giả chư-tôn một món quà thi-vị.

HỮU-KHƯƠNG

1. — **Cảnh sông núi.**

Thấp thoáng non tiên lác đác mưa,
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu-sơ.

Xanh-om cỏ thụ tròn soe tán,
Trắng-xóa tràng giang phẳng-lặng tờ.

Bầu giốc giang san say chấp rượu,
Túi lưng phong-nguyệt nặng vì thơ.

Ô hay ! cảnh cũng ư người nhỉ !
Thấy cảnh, ai mà chẳng ngẩn ngơ.

...

2. — **Giời hôm nhớ nhà**

Chiều giời bâng lảng bóng hoàng-hôn,
Tiếng ốc xa đưa lặn trống đồn,

Gác mái, ngư-ông về viễn-phố,
Gõ sừng mục-tử lại cô-thôn ;

Ngàn dâu, gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu, sương thưa khách bước giòn.

Kẻ chốn trương-đài người lữ-thứ,
Mấy ai mà kể nỗi hàn-ôn ?

...

3 --- **Qua núi Đèo-ngang**

Qua núi Đèo-ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa ;

Lom khom dưới núi, tiều dẫm chú,
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.

Luyến chủ, đau lòng con cuốc-cuốc,
Thương người mỗi miệng cái da-da ;

Dừng chân ngảnh lại giời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta !

Ba bài thơ trên này trích ở sách Cảo-Thơ.

4 — Bà Huyện có câu dán tết rằng:

*Duyên mấy văn-chương nên dán chữ,
Nợ gì giới đất phải giồng nêu.*

— Nghe đầu quan Huyện bị cách chức cũng vì bà: đầu có một người đàn bà tên là Nguyễn-thị-Đào kiện chồng tình-phụ, quan Huyện đi vắng, bà phê ngay vào đơn rằng:

*Phó cho con Nguyễn-thị-Đào (1)
Nước trong leo-lẻo cầm sào đợi ai!
Chữ rằng xuân bất lái lai,
Cho về kiếm chút kéo mai nữa già.*

Vì bà phê mấy chữ, sau chồng Thị-Đào di thừa, nên quan Huyện phải cách. Nhưng được ít lâu lại được bổ làm bát-phẩm thơ-lại Bộ-Hình, sau lại thăng lên chức Viên-ngoại-lang.

Người ta nói, có một bận, đầu một ông Cống mới đỗ, làm giấy vào xin giết trâu để ăn khao. Bấy giờ đang gặp lúc đại-hạn, cấm sát sinh, không ai được phép cả. Nhưng bà thấy là ông Cống, cứ cho phép và phê vào đơn một câu rằng:

*Người ta thì chẳng được trâu,
Ừ thì ông Cống làm trâu thì làm.*

H. K.

(1) Có người cho mấy câu này là của nàng Xuân-Hương, vậy xin chất chính cùng hải-nội chư quân-tử.

VĂN TẬP “KIỀU”

Đề đền Đức Hùng-Vương

Rằng: trăm năm cũng từ đây,
Phúc nào độ được giá này cho ngang !
Cỏ cây có đá sẵn sàng,
Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên.
Ngồn ngang gò đồng kéo lên,
Sân thu trắng đã bao phen đứng đầu.
Bình thành công-đức bấy lâu,
Trên am vẫn giữ hương dầu hôm mai.
Còn non còn nước còn dài !!!

VĂN-SINH

Bài thứ hai

Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Rầy rầy sẵn đúc một tòa thiên-nhiên.
Ngồn ngang gò đồng kéo lên,
“Phong-linh cổ-lục” còn truyền sử-xanh.
Gần xa nô nức yến anh,
Hương hoa ngũ cúng xắm-xanh lễ thường.
Cỏ cây có đá sẵn sàng,
Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên.
Phong sương được vẽ thiên-nhiên,
Sân thu trắng đã bao phen đứng đầu.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Chân mây mặt đất một màu xanh-xanh!

HỮU-KHUÔNG

Gửi cho bạn

Rằng: từ ngẫu nhĩ gặp nhau,
Khi thân chẳng lọ là cầu mấy thân.
Đủ điều chung khúc ân-cần,
Nhời tan hợp, chuyện xa gần thiếu đâu.

Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một nhời.
Lòng thơ lai láng bồi hồi.....
Còn về còn nhớ đến người hôm nay.

...

Khóc anh (LÀM NĂM 1923)

Trời làm chi cực hỡi trời,
Đã cho nhau biết lại rời cho xa.
Sốt gan riêng giận trăng già,
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng ?
Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông,
Nghĩ lòng lại xót sa lòng đòi phen.
Vì ai rụng cái rơi kim ?
Vì ai bèo nổi, mây chìm vì ai ?
Dạ-dài cách mặt khuất nhời,
Xót tình máu mủ thay nhời nước non.

HỮU-KHƯƠNG

VĂN UYÊN

1. — **KHÓC CHA**

Con đường thế-sự nghĩ mà đau,
Thồn-thức riêng ta một mối sầu.
Khuya sớm chưa đèn công nghĩa cả,
Ngọt bùi khôn báo đức ân sâu.
Trông vời đỉnh Hồ càng thêm nhớ,
Ngắm bóng mây Hàng biết ở đâu ?
Cảnh ấy tình này lòng uất ức,
Nỗi niềm chần chọc suốt canh thâu.

2. — Lữ-xá sầu ngâm.

Một thân đất khách quê người,
Chữ “công-danh” khéo nực cười lắm thay !
Buồn trông ngọn nước, chân mây,
Nước chồi chồi dạt, mây bay bay hoài.
Buồn trông chim nhạn lạc loài,
Tiếng kêu riu rit gọi người thương tâm.
Buồn trông gió cát bụi lăm,
Tắm thân chìn nổi, phong-trần đặng cay.
Buồn trông ngọn cỏ, lá cây,
Gió thu hiu hắt, hơi bay tà tà.
Buồn trông ngọn sóng xa xa,
Cánh buồm lác đác biết là về đâu.
Buồn trông non nước thăm sầu,
Nước sầu, non thăm thêm đau đớn lòng.
Than ôi ! cái kiếp bênh-bồng.

V. S.

...

1. -- Nhớ người xưa.

Cảnh cũ này đây ! luống gọi sầu,
Cùng ai xa cách đã bao lâu ?
Non Côi mấy độ cây xanh ủa ?
Sông Vị bao lần nước cạn sâu ?
Cảnh ấy, tình này kêu nổi nhớ,
Tình này, cảnh ấy gọi dòng châu.
Than ôi ! một gánh tình mang nặng,
Muôn dặm trông vơi tit mãi đâu....

...

2. — Nợ đời.

Một mình phảng phất mộng-hồn,
Hỏi ai ai có sẻ buồn cùng ai ?
Cái bả vinh-hoa chót nếm rồi,
Con thuyền bão-ảnh nổi cùng chồi.
Kìa ai góc bể chân trời,

Đề ai luống những đứng ngồi thở than !
Cuộc đời soay sở đã bao phen ?
Trông cảnh càng thêm gợn mối phiền.
Lênh đênh mặt sóng con thuyền,
Chèo đưa dòng thắm, gió dền hồi đau.
Ngơ ngẩn năm canh một mối sầu,
Mối sầu ai có thấu cho nhau ?
Trăm năm sự-thế thôi là thế !
Thanh-khí thăm tìm chẳng thấy đâu !
Nỗi niềm nghĩ đến mà đau,
Hợp tan, tan hợp bề-dâu khôn lường.
Thương càng nhớ, nhớ càng thương,
Con đường danh-lợi là đường phong ba.
Nghĩ gần thôi lại nghĩ xa,
Tấm thân từng trải bao là đui may.
Than ôi ! tài sắc bực này,
Lụy trần trải biết đến ngày nào song ?
Xa xa trời bể mệnh mông. . .

...

3 — Chiều hôm qua mờ vô-chủ

Năm đất xanh om cát bụi lằm,
Trưởng người chín tuổi lại thương tâm.
Trăm năm kiếp lụy hồng-trần,
Mỗi lần hoa nở là thân hoa tàn.
Còn chi tài-sắc với dung-nhan ?
Ngẫm nghĩ thương thay kiếp đoạn-tràng.
Than ôi ! Cái kiếp đoạn-tràng,
Kiếp đoạn-tràng với hoa tàn khác đâu ?
Nỗi niềm (trông thấy) lại càng đau,
Phong cảnh như kêu gọi mối sầu.
Hồn ai ? Phảng phất nơi đâu ?
Xương sa lác dác, mưa mau tới bời.
Hỡi ơi ! cũng một kiếp người,
Cái đời bạc-mệnh là đời tài-hoa.

4 --- Nhớ bạn

Kia vừng giăng bạc khuất ngàn dâu,
Nhớ bạn tri-âm ruột dối nhau.
Sông chảy, mây bay, đàn nhạn cá,
Mỗi sầu riêng chút lại cho nhau.

Cho nhau ngơ ngần suốt canh chầy,
Giấc điệp mơ màng tỉnh lại say.
Con tạo ghen nhau chi đến thế?
Một mình mình biết, một mình hay.

Mình hay nào biết có ai tường?
Giấc mộng (tình chung) khéo vấn vương.
Duyên nợ ba-sinh đã lỡ dở,
Đa mang chi cái kiếp đoạn-trường!

Đoạn-trường cái kiếp nợ tài-hoa,
Nghĩ đến ai mà giọt lệ sa.
Thơ thần hóm mai mình với bóng,
Nỗi niềm ai đó? Thấu cho ta?

NGUYỄN-THỊ LỆ-VÂN

Dong thuyền câu cá.

Giữa giải trảng giang nước chảy vèo,
Thuyền câu lướt sóng gió đùn theo.
Chấp chi tôm tép đầy tai rỏ,
Chống với non sông vững mái chèo.
Cần trúc có khi vung bề rộng,
Mồi thơm dàu dề rử ao bèo.
Mặc ai bôn tẩu đường danh-lợi,
Nhớ cảnh Bàn-kê chi muốn theo.

Lão-Nam NGUYỄN-HÙNG-TÁC

Cảnh Hè

Sích-Đế làm chi rõ khoảnh đời,
Lò cừ hun đốt khách trần chơi.
Anh-hùng khát nước lòng son bực,
Thiếu-nữ hờn duyên mặt phấn trôi.
Mồ cuốc kêu xương càng khản giọng,
Đàn ve thét gió cũng hoài hơi.
Giời cao biết đến dân cày cuốc,
Mưa xuống cho nhau được gặp thời.

NGUYỄN-THUẬT-QUANG

Phú đặc : “Đem em mà bỏ bên gềnh,
Kéo neo tàu chạy sao đành anh ơi !”

Tệ-bạc làm chi thế hỡi anh,
Bơ-vơ bỏ thiếp lại bên gềnh.
Nhỏ sào khách nữ buông dây thắm,
Quay mũi thuyền đi xẻ gánh tình.
Nước gợn lòng sầu thương mệnh-bạc,
Khăn đầm giọt lệ ngàn xuân-xanh.
Non sông còn đó, người đôi ngả,
Duyên-phận thương ôi, nỗi mong-manh.

Lão-Nam NGUYỄN-HÙNG-TÁC

...

**Hàn bút xem quyền « Giác Mộng Nàng Lê » cảm tác
Cảm phận nàng Lê**

Nàng Lê-thị là người nhan sắc, bởi hồng nhan phận bạc khá thương, bấy nhiêu năm dải nắng dầu sương, thuyền tình chở biết bao người công-tử, bạc mệnh Đạm-Tiên tiền lãng sự, thuyền quyền Kiều-nữ cự phong tình, đau đớn thay mang tiếng lầu xanh, tiếng chê để lại ó danh má đào.

Hiếu tình khôn đôi vẹn

Thương cho nàng một chận phong ba, ngấm ngùi thay lúc bước chân ra, kể sao siết muôn vàn ân ái, cái nợ phong trần theo đuổi mãi, biết bao bề khổ bến mê ôi, nước chảy hoa trôi đành phận bạc, hương tàn châm gậy xót gan vàng, ai xui khiến nên nông nổi thế, tình xót vay ai thấu chẳng ai, cuộc đoạn trường khiến cho người thiếu nảo, ngấm sự người lại cảm thương người, vì Kiều nhi so bạn gái kém chi ai, sắc có một song tài kia dễ mấy, kiếp trước có nợ nần chi đấy, nên trời xanh ruồng rẫy má hồng, bấy nhiêu năm trải mấy độ long đong, dan díu mỗi tình cùng ai sao nổi dứt, chịu tiếng khen chê dằn sắn mặt, vì chưng lưu lạc phải liệu mình, há rằng ai phụ chi mình, trời có mắt làm thinh sao được mãi, dải đồng tâm sợi hồng dính lại, nghìn thu gương hiếu nghĩa còn in.

Ô hô, hồng nhan mấy mặt trông lên!

LÝ-LAI dit HẢI-THĂNG

Chí-chát dò, nem cùng chả, mọc, Xénh-xang bánh, mất lại chè sôi. Mới hay tét nhất âu là thế! Tục hủ từ xưa! bỏ quách thôi.

Cảnh xuân

(Từ khúc)

Đào đua thắm,
Liễu khoe xanh,
Trên cành học nói giọng chim oanh.
Rộn-ràng xe ngựa,
Nô-nức yến anh,
Phấn điểm son tô người mới mẽ,
Quần là áo lượt khách đua tranh!
Nào kẻ quý,
Lại người thanh,
Sắm-sửa ăn chơi khắp thị-thành.
Thiều-quang chín chục,

Non nước bao tình!
Đối xuân riêng nghĩ một mình,
Vui xuân hồ dễ làm thình sự đời!

. . .

Vào hè

(Kính họa nguyên vận bài thơ của cụ Yên-đồ)

Thương xuân khắc-khoải cuộc kêu hè,
Ruồi muỗi ý-âm rức lác ghê!
Nắng dãi cây cao người ần bóng,
Mưa dầu cảnh dữa khách thương huế!
Bùn tanh chẳng bợn sen thơm ngát,
Lửa cháy như nung lựu đỏ lòe.
Thánh-thót cung đàn ai muốn gầy,
Nước non luống những lắng tai nghe.

Ngọc-hồ TR. V. B.

. . .

Năm hết tết đến

Gần hết năm rồi tết đến nơi,
Kẻ thì khóc mếu! kẻ tươi cười!
Nghèo lo công nợ khôn nài khát!
Có sắm ăn chơi vẫn thanh thời.
Cò ả tung bưng may bộ cánh,
Chú Tàu tất-tả bán tranh người.
Trẻ con hi-hàng mua tràng pháo,
Buôn bán xa gần khách ngược xuôi.

. . .

Buôn bán xa gần khách ngược xuôi.
Kẻ thì mua thịt kẻ mua vôi.
Ông đồ bán chữ ra công viết,
Cậu cả mua hoa cấm lọ chơi.
Cậu đối đỏ lòe phò trước cửa,

Cây nêu cao ngất vót lưng giời.
Thôn quê thành thị om-sòm tết,
Vàng mã người mua chạy tả-tơi!

...

Vàng mã người mua chạy tả-tơi!
Thợ làm cho chủ tỉnh công rồi.
Các tòa các sở mong ngày nghỉ,
Con ở con đòi được buổi ngơi.

...

Dự cuộc thi thơ của Hội Học-Giới Bảo-Trợ Nam-Định

Ngon chào tân-học rộng mệnh mông,
Bảo-trợ người Nam khéo một lòng.
Nghien bút giúp người nghèo hóa quí,
Văn thơ rèn kẻ dốt nên thông.
Văn-minh những muốn ngày thêm tiến,
Học-giới cho nên phải gắng công.
Mục-dịch khen thay ai khéo đặt,
Nước non rạng vẻ giống liền rồng.

NGUYỄN-VĂN-THU

I

Còn giời, còn đất, còn nước, còn non, hội-học lấy lòng
trên bến Vị;

Giúp của, giúp công, giúp tài, giúp tri, nền văn xây đắp
giữa thành Nam.

II

Đứng giữa giời Nam, hội học mở mang, giống Lạc, nòi Hồng
gặp buổi đua tranh nhiều vẻ mới;

Soi chung đất Bắc, đuốc văn rực rỡ, người Âu, kẻ Á cùng
nhau tư-giúp lẫn điều hay.

TRẦN-VIỆT-BẢO

Vịnh hội Học-giới bảo trợ

« CÁCH HỘI-VĂN »

Đọc xuôi

Mông-mênh bể-học khắp gần xa,
Nhè-nhe thuyền đưa gió thướt-tha ;
Hồng Lạc đất xây nền mới cũ,
Á Âu trời mở lối vào ra.
Công ghi tháp Vị thành in vẽ,
Nghĩa chuốt dèo Gôi núi thoảng hoa.
Đồng-hội cảnh nay mừng xiết kẻ,
Long-tiên khách hội cổ mau ta.

...

Đọc ngược

Ta mau cổ hội khách tiên-long.
Kể xiết mừng nay cảnh hội-đồng.
Hoa thoảng núi Gôi dèo chuốt nghĩa,
Vẽ in thành Vị tháp ghi công.
Ra vào lối mở trời Âu Á,
Cũ mới nền xây đất Lạc Hồng.
Tha-thướt gió đưa thuyền nhè-nhe.
Xa gần khắp học bể mênh-mông.

...

Hai câu khắc ở ngoài cửa nhà hội

1. — Bốn bể một nhà, mở cửa học-hành guôn nhất-thống.
Nghìn xưa mấy hội, phứt cờ giới-thiệu vẽ tam-tài.
2. — Chuông cảnh-giác khua rần, nước Vị non Gôi, tỉnh-ngộ
xưa kia mấy kẻ.

Túi dã-man dữ sạch, năm Âu tháng Mỹ, văn-minh nay
phải đua nhau.

Một câu treo ở phòng hội-đồng

Hội-tiệc muôn năm, nhà bốn bể.
Đồng-tâm một giải, nước ba kỳ.

Hai câu treo ở các phòng đọc sách

1). Muốn quyền văn-chương trời Pháp-Việt.

Hai hàng cầm-tú đất Hoàng Gôi.

2). Trải xem mấy bộ bê-xê, mắt tạo-hóa đôi dòng nhật-nguyệt.

Lược nhớ dăm câu khả-phủ, lòng thanh-cao nửa bức giang-sơn.

Một câu treo kèm bức bia đá

(Kể công việc của hội)

Sóng nổi văn-chương làn Vị rộng.

Đá truyền sự-nghiệp núi Gôi cao.

TRẦN-DUY-VÂN

I

Văn minh lối cũ nhìn như vách.

Luân lý này đây giữ lấy nền.

II

Rồng tiên cùng một giống, nhớ câu có học mấy hay,
nào những người nhanh nhẹn ganh đua, đừng thấy nhà
nghèo mà chậm bước.

Thời thế khác ngày xưa, may được sẵn lòng khai hóa,
cũng là cuộc soay vắn biến đổi, gây nên nước mạnh bởi
từ đây.

TRẦN-VĂN-DỤC

Câu đối nhân kèm bia đá.

Công đức bấy lâu, cùng người một thuyền một hội;

Thủy chung ghi tạc, nét bút càng nhìn càng tươi.

Nhấn phòng đọc sách.

1°) Sách quý hơn vàng chứa đầy hòm, nào tây-tự, nào nam-âm, mở đọc vô cùng ích lợi ;

Học như ngọc mài nên giống, khi nghiền văn, khi giảng nghĩa, trong hội gia công phù trì.

2°) Sách có ngọc vàng đèn tinh-chất ;

Chữ là hoa gấm dệt văn-chương.

Nhấn nhà hội đồng.

Tấm nhiệt-thành, vì nước vì dân, mở thêm nền học ;

Giải đồng-tâm, một thuyền một hội, ghi nhời điển văn.

Nhấn ngoài cửa.

1°) Nước Nam-giao theo lối châu Âu, cái nghĩa hợp quần cần biết nặng ;

Nhà Tây-học dựng nền đất Vỹ, con đường tiến-bộ hẹp chỉ ai.

2°) Bóng đèn điện, ánh đuốc văn minh, sáng rạch miền Nam kinh Bắc ;

Tàu xúp lè chen chuông giáo-dục, rây ran dòng Nhị sông Hoàng.

Vịnh hội Học-giới bảo-trợ.

Ấy ai gây dựng biết hay không ?

Nền học gây nên bởi hội đồng.

Hợp khách văn-phòng bàn lại tinh,

Giúp người đồng loại của và công.

Ngọn chào tân học sông Hoàng rẩy,

Ánh đuốc văn-minh bóng điện lồng,

Hợp các trường công thêm rộng mở,

Chữ đề Bảo-trợ tỏ lòng chung.

PHẠM-ĐÌNH-TẤN

Câu đối nhân kèm văn bia

Cõi học hội đồng, của muôn kẻ, người một lòng, chữ
bảo trợ đề ghi cửa trước ;

Bài văn bia đá, công lớn lao, việc long trọng, lời cung-
kỷ đề tạc gương sau.

. . .

Hai đôi nhân trước cửa.

1*) Khua chuông giáo-dục vang sông Vỹ ;

Dựng đuốc văn-minh rực cõi Nam.

2*) Công trình kẻ mấy mươi, người giúp của, kẻ ra công,
gây dựng nền văn nên độc-lập ;

Phong cảnh càng thêm lịch, chốn thư phòng, nơi nghị
viện, điểm tô cõi học vẻ duy-tân.

. . .

Nhân ở nhà hội-đồng.

Hội đọc thư đề mở trí khôn, thang tiến hóa, khuôn đúc
tài, rộng nền cựu-học ;

Người tán thành cùng ghi dầu mối, các đàm văn, dàn diễn
thuyết, đăng báo tân-văn.

. . .

Nhân nơi đọc sách.

1.) Nhuộm màu hương sách hoa in chữ ;

Ra vẻ buồng văn ngọc dĩa tài.

2. Cõi học mở mang, vi như đường đi đến xa, núi đắp
đến cao, ra tay khéo về trước ;

Văn-minh tấn tới, những thấy rừng nho thêm nhiều, bề
học thêm rộng, mở óc khôn người sau.

Thơ vịnh hội Học-giới bảo-trợ.

Nhắc trông hiện tượng rất phong quang,
Cõi học gây nên phổ Vy-Hoàng.
Hợp mặt luận bàn người tri-thức,
Ra tay giúp đỡ khách văn-tràng.
Văn-minh đuốc ánh giới kinh Bắc,
Giáo-dục chuông khua đất tỉnh Nam.
Công đức dàu bằng công đức ấy,
Làng nho đừng bảo cuộc văn tàn.

PHẠM-ĐÌNH-HIẾN

Thơ vịnh hội học-giới bảo-trợ

Hội học thành Nam, tiếng nức đồn,
Chủ điều bảo trợ, nghĩa nên tôn.
Vi tài, cố giắt dàu em đại,
Chuộng nết, chăm rèn lấy óc khôn.
Thư cục rộng thêm đường học vấn,
Bảo trưng truyền khắp chốn hương thôn.
Ba Kỳ nên sớm soi gương đó,
Mà giúp cùng nhau đức quốc-hồn.

Đôi treo ở phòng đọc sách

I

Học biết đạo làm người, đọc Cổ-huấn, giảng tân-văn; bất
yếm giám dàu mong bậc thánh.

Vui chi bằng đọc sách, xét thiên-văn, bàn địa-lý; tri-tri
không hổ tiếng con tiên.

II

Sách vở là duyên, có tao phách, có tinh thần, tụng đọc
mở mang đường kiến thức.

Văn chương không giá, nuôi tính tình, nuôi trí khí, giảng bàn
ri dưỡng lúc hiu nhàn.

Đôi treo phòng Hội-dồng

Tôi lui góp tiếng ngọc vàng, vì nước vì dân ; pháp việt mở mang nền học vấn.

Hội họp bàn phương lợi ích, đem tài, đem sức ; tây nam diu dắt bước văn minh.

...

Đôi treo cửa nhà hội-quán.

I

Cửa mở đôi đường, nửa thành-thị, nửa hương thôn, rạng khắp cỏ hoa Vy thủy.

Thềm cao mấy bậc, nơi thư phòng, nơi hội sở, điểm nên văn vẻ âu phong.

II

Hơn bảy vạn đồng bào, ngửa trông hướng bắc một tòa, này nơi hội sở, nọ chốn thư phòng ; cơ sở rộng gây nền tiến hóa.

Bốn nghìn năm tổ quốc, đoái lại thành Nam một hội, giúp kẻ tài năng, mở đường học vấn ; quy mô cao đắp bước văn minh.

...

Đôi treo kèm bức bia đá

I

Cõi học giúp nên công, tiếng rết nghìn thu bền với đá.
Bia văn ghi lấy điển, găm thêu mấy chữ đề làm gương.

II

Nghìn năm danh tiếng ghi bia đá.
Một hội tây nam kết giải đồng.

TRẦN-VĂN-NGHỊ

Có dám kỷ-công đầu, đem nét văn-minh in mặt đá.
Cũng là chương-thiện đó, cùng ban Trị-sự giải lòng vàng.

VŨ-DỤNG-KIẾN

Câu đối đề «Nam-định Học-giới Bảo-trợ hội»

Cửa hội-quán.

Trăm trai Hồng-Lạc, lan khắp ba Kỳ ; trong mưa Á, ngoài gió Âu ; biết bao nhiêu ông Phạm-phú-Thứ, Nguyễn-trường-Tộ, Vũ-duy-Thanh ; bậc thượng-lưu đập mạnh, thét dài ; tự vận thời-biểu-chung, gọi tổ-quốc linh-hồn mê phải tỉnh.

Bầy phố Vị-Hoàng, đôi làm mười hộ ; trước bia Gôi, sau đại Nhị ; bầy đủ cả điện-thoại-tuyển, trư-thủy-cơ, khí-dưỡng-hỏa, nền tân-học đua khôn, thi khéo ; ai treo hàn-thử-xích, do dân-đoàn nhiệt-độ thấp hay cao.

Từ cuối hội Qui-hội, hội mới mở-mang ; góp của, góp công, cơ-sở được vững-bền, dương trong khoảng Mậu-thìn, Kỷ-tị.

Các trường học vị-thành, học càng tấn-tới ; yêu dân, yêu nước, phạm-vi thêm rộng-rãi, ra ngoài nơi Lạt-hải, Côi-son.

. . .

Phòng đọc sách.

Xinh thay bức ảnh tiên-châu : chiêm được tinh-hoa, xa có Côi-son, gần Vị-thủy.

Dựng lấy nền-văn tổ-quốc ; mong cho kết-quả, cũ thì Đông-á, mới Tây-âu.

Thử coi ngay : Pháp-tự đọc sách Phật ; thiện-dân diễn kinh thánh ; Thiên-chúa-đường giảng giáo Đa-tô ; cuộc phồn-hoa dẫu của khó, người khôn ; thành-thị chưa quên hồn đạo-đức.

Nhị (tức là sông Tân-đê).

Lạt-hải (Tức là cửa Ba-lạt).

Nên nhớ đến : Tồn-thất hiền tiếng Phiên ; Trạng-nguyên
tân chữ «diên» ; Trần-mậu-Tài giỏi văn quốc-ngữ ; châu thang-
mộc vân đất lễ, quê thời ; giang-sơn ai tỏ mặt tài-danh ?

Phòng hội-đồng.

Đây chúng ta : nào là sỹ-đoàn, nông-đoàn, công-đoàn,
doanh-thương-đoàn, trọn nghĩa hợp-quần ; có học thì mới biết.

Này các cậu ! không cứ sơ-cấp, tiểu-cấp, trung-cấp, tối-cao-
cấp, càng ngày tấn-bộ ; đi hội cho đến nơi.

Bia hội

Hội văn-minh đôn mặt tân-chào ; hăng-sắn, hăng-tâm, nhất-
thành soi suốt gương sông Vị.

Bia kỷ-niệm bền gan cổ-thạch ; hoàn-danh, hoàn-phúc, vạn-
thọ cao tày án núi Gôi.

B. T. C.

Rự cuộc thi

Câu đối gián ngoài cửa

I

Thiên nhiên sẵn một tòa, nơi viện sách, chốn phòng riêng,
phong cảnh nhìn xem khen đáng giá.

Thư hương rằng cũng mạch, kể văn chương, người thanh
qui, tất giao gần bó biết bao tình.

II

Nhìn trông toa rộng rẫy dài, có đá, có cây, có hiên lẫm
thúy.

Đôi nơi các kinh viện sách, tiếng đàn, tiếng sắt, tiếng
cầm tiêu giao.

Tiên-châu, Châu-thang-Mộc : (Tức là quê vua Trần).

Đề phòng đọc sách

I

Ngồi bên bốn năm người, cặp sách đề huề trên án bút.
Mua vui một vài trống, cỏ thơm lần rở chốn phòng riêng.

II

Giải câu là duyên, mai cốt cách tuyết tinh thần một vẻ.
Thung dung phải buổi, nhờ tan hợp chuyện xa gần thiếu
dầu.

...

Câu đối đề phòng hội-đồng

Quản trông xuống, người trông vào, bàn bạc gần xa trong
nhẽ phải.

Dưới vì nhà, trên vì nước, trước sau suy nghĩ học nghề hay.

...

Câu đối kèm bia

I

Vấn đất nước nhà cùng một hội.
Sửa công đức ấy đề nghìn thu.

II

Bia đề nghìn thu công đức ấy.
Người cùng một hội nước non nhà.

...

Bài thơ đề phòng ngồi chơi

Sánh vai về thư hiên
Người một hội một thuyền
Mình tựa ngồi bên kỷ
Cỏ lần giở trước đèn,

Đạm thanh trên án bút
Hương sáp nổi dài sen
Trúc mai sum họp một
Nhà vàng đức cũng nên.

AN-VIẾT-ĐÔI

Tấm áo cũ

Cái áo cũ! Tôi xin nói thật chẳng đẹp dễ gì. Chỉ bằng thứ vải soàng đã bạc. Cứ mỗi lần cảnh thu đã tàn, cha tôi dỡ hòm ra lấy áo mặc rét thì tôi chạy đến tìm ngay cái áo vải cũ đó mà khoác vào mình. Mặt tôi lại hớn hở, hớn hở vì trong lòng tôi có một thứ cảm-tình riêng. Mà cái cảm-tình đó đối với tôi thật là bao la thấm-thía.

Cái áo ấy có phải của tôi đâu? Chính là của người anh cả tôi, nay đã từ-trần, còn dy lại chút hơi kỷ-niễn. Tôi mặc vào thì trông lụng thụng, chẳng đẹp dễ gì. Song tôi đứng ở trước gương mà ngắm, ngắm một cách âu-yếm, tôi lại sực nhớ đến người xưa tôi không khỏi bùi-ngùi trong dạ. Cả nhà tôi thấy vậy, hết thấy đều hiện ở trên mặt một nét sầu ngậm ngẫm. Cha tôi đã nhiều lần muốn tôi quên đi, đừng dỡ tấm áo ấy ra nữa. Nhưng tôi có quên đâu? Cứ thấy gió bắc lạnh lùng, cảnh-tượng mùa đông sắp hiển hiện, ấy thế là tôi đã nhớ đến tấm áo ấy rồi.

Giá bây giờ có người đem đổi cho tôi lấy một cái áo mới đẹp, tôi cũng xin từ-chối. Vì nay tôi có tiền mà có muốn mua lại một vật anh tôi khi xưa đã dùng qua cũng chẳng được nào!

Thật thế! Những trạng-thái trong tâm-trí loài người liên-hiệp với cảnh-vật có một cái nguyên-ủy rất rõ ràng.

Tinh-tĩnh, tư-tưởng của ta đều theo với cảnh-vật hết cả. Các nhà triết-học đều công-nhận rằng muốn cảm-hóa lòng người không gì mạnh bằng dùng học-thuật của cảm-tình. Có cảm-

trình mới có hành-vi kết-quả. Cảm-trình thật là một mãnh-lực vô-song. Lòng tin-ngưỡng về tôn-giáo, cái chủ-nghĩa thiêng-liêng về chủng-tộc khoa lâm-lý đã chịu rằng phải có một mối cảm-trình mật-thiết mới gây nên được. Những sự hành-động, những điều sử-thế, lòng yêu mình, cho đến tương-lai của xã-hội cũng đều nhờ ở thứ cảm-trình riêng.

Có người thích phong-cảnh phồn-hoa, lân-dài dục dờ, xe ngựa ầm ầm, — Ấy là cảm-trình của người ưa náo-nhiệt.

Có người thích chốn danh-lam thắng-cảnh, non cao rừng đậm, vượn hót chim kêu, — Ấy là cảm-trình của người ưa bình-tĩnh.

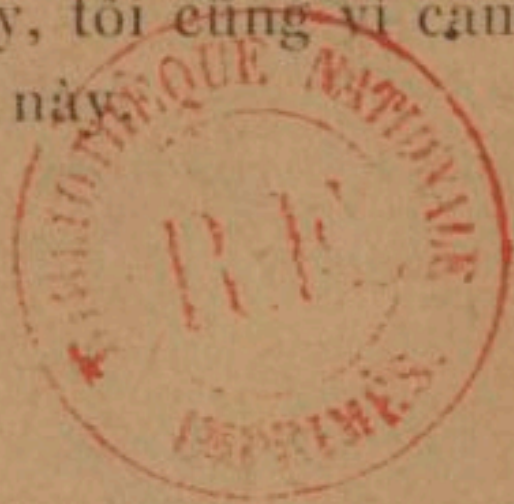
Có người thích ngắm đóa hoa mới nở, bóng giăng mới lên, gảy khúc đàn hùng-hồn, hát một điệu sảng-khải, — Ấy là cảm-trình sôi nổi.

Có người thích trông làn nước chảy réo rắt, cánh bèo chồi lênh đênh, rạo cung đàn ai-oán, cất giọng hát náo nùng, — Ấy là cảm-trình lãnh đạm.

Ta yêu cái này, thích làm việc này; cũng vì cảm-trình mà ta yêu, ta thích.

Một mối cảm-trình bao la vô hạn! . . .

Mà đến tới đây, tôi cũng vì cảm-trình riêng nên không sao bỏ được lăm áo cũ này.



HỮU-KHUÔNG



CAC PHO SACH

SOẠN THEO Ý HỘI HỌC-GIỚI BẢO-TRỢ TỈNH NAM-DINH

I. — SÁCH HỌC ĐỀ THI “SƠ-ĐẲNG-YẾU-LƯỢC”

XXX. — Sách học đề thi bằng Sơ-Đẳng-Yếu-Lược (in lần thứ tám),	0\$50
XXX. — Tân-Quốc-Văn (in lần thứ hai)	0.20
Sách tính 250 bài đủ cả các thể (cả 2 quyển)	0.25
XXX. — Quốc-Văn (luận làm sẵn và âm tả)	0.40
Đào-Văn-Minh và Trần-Văn-Đệ. — La Lecture Française expliquée à l'usage des élèves du Cours Élémentaire et du Cours Moyen 1re année	0.55
XXX. — Tinh nham học đề thi Sơ-học Yếu-lược	0.25
Bảng tập đọc Quốc-ngữ (3 cái).	3.00
Văn Quốc-ngữ (chỉ mấy ngày là biết đọc và biết viết.	0.06
Đào-Văn-Minh. — Cent Dictées Françaises expliquées (Cours Moyen 1re année et cours Élémentaire)	0.35
La Conversation Française (lớp năm, tư, ba).	0.25
Éléments de pédagogie pratique (en préparation)	
Premier livre de lecture et de vocabulaire français (Cours Préparatoire et Élémentaire) (2e édition)	0.50
Deuxième livre de lecture et de vocabulaire français (en préparation).	
Đào-Văn-Minh, Vũ-Như-Hương. — Âm-tả Quốc-ngữ (dùng cho lớp Nhì và lớp Ba)	0.25
Văn Quốc-ngữ (mẹo dạy làm văn có bài làm sẵn đủ các thể)	0.30

II. — SÁCH HỌC ĐỀ THI “CƠ-THỦY-PHÁP-VIỆT”

R. E. Michel. — La Lecture Française au cours Supérieur (3 ^e édition)	0.80
La Lecture Française au cours Moyen (2 ^e édition)	0.80
XXXX. — Lectures du Samedi	0.40

III. — SÁCH VẬT

XXX. — Le Vade Mécum de l'Instituteur du Tonkin.	1.20
XXX. — Lộ-vàng.	0.25
Nguyễn-Văn-Tuyên. — Một nhà Triệu phú	0.30

IV. — SÁCH SẴP XUẤT BẢN (en préparation)

R. E. Michel. — La Lecture Française au cours Supérieur, édition illustrée.	
Lâm chung. — Les Leçons de choses au cours Supérieur.	
» Les Leçons de choses au cours Moyen.	
» La Botanique des Écoles Primaires Supérieures.	

CÁC SÁCH NÀY BẮN TẠI HIỆU

MỸ-THẮNG

50^c, RUE PROTECTORAT, NAM-DINH

và các hàng sách Bắc-kỳ